

CHẾT NON

trần văn minh



TRẦN VĂN MINH

CHẾT NON

CÁI CHẾT CỦA MỘT PHI CÔNG
NGÂY THƠ
ĐIÊN
PHẢN ỨNG
NGƯỜI ĐÓ, TA ĐÂY
CÁI NHÀ
ĐỊNH MỆNH

**CÁI CHẾT
CỦA
MỘT PHI CÔNG**



TRÍCH BIÊN BẢN HIẾN BINH

Lời khai của Ông NGUYỄN VĂN VUI, 47 tuổi, nông dân,
thẻ căn cước số. , cấp tại. , ngày. ,
ngụ tại làng.

Ngày. . . tháng. . . năm 1954, lối 3 giờ chiều, tôi đang cào cỏ dưới ruộng nhà tôi, thì nghe có tiếng máy bay, nghe lớn lắm. Dòm lên trời, tôi thấy một chiếc máy bay từ mé rừng bay ra thiệt lạ, tới sân đá banh của làng thì rớt xuống, bụi bay mù mịt.

Tôi liền chạy tới nơi, thấy có người ngồi trong máy bay đang lấy hai tay chới mạnh tấm kiếng ở trên đầu. Tôi tiếp đỡ ra, mà đỡ không nổi. Tôi bèn chạy đi định bụng kiếm khúc cây để đập tấm kiếng, thì trờ gặp một tổp mười, mười lăm người trong làng chạy ra. Tôi nhớ có ông Cả, ông Quản, thàng Lê, thàng Trần ở xóm dưới và tám chín người nữa.

Bỗng nghe có tiếng nổ liên hồi. Ai nấy nằm rạp xuống. Tôi nằm theo, ngoái cổ dòm thì thấy lửa cháy lớn.

Khi hết nổ, chúng tôi chạy lại. Ông Cả bèn lấy cát liệng vào những chỗ lửa cháy. Rồi xe nhà binh tới.

Đã nghe đọc lại, giữ vững lời khai và ký tên.

NGUYỄN VĂN VUI

KHI xe cứu hỏa, cứu thương, và xe Đơn-vị-trưởng tới nơi thì vòm kiếng đã được nạy lên và anh đã chết thiêu trên ghế lái. Đầu gục về đằng trước, ngoẹo về bên phải, hai tay ôm lấy ngực, da thịt đã cháy đen. Duy còn đôi mắt, khi Đơn-vị-trưởng gỡ mũ bay ra thì đôi mắt hãy còn mở, trợn tròn, lòng trắng đã ngả sang màu vàng.

Lúc đem anh ra khỏi máy bay, gân ở đầu các khớp xương gối và háng đã cứng, không thể kéo ngay ra được. Người ta đặt tử thi nằm nghiêng, co quắp trên băng ca.

Người trong làng ra đã đông.

Có tiếng đàn bà xì xào, bàn tán : « Lúc rớt xuống, ông còn sống ».

Đám táng anh cử hành ngay sáng hôm sau, đơn giản và uy nghiêm.

Quan tài được phủ lá cờ tam sắc, đặt trên một chiếc xe nhà binh sáu bánh mui trần, kết đầy hoa trắng, chậm chậm từ cổng căn cứ ra. Đi dưới đường, hai bên xe, hai người bạn đồng khóa, đồng ngũ, đi đầu chỉ huy hai Trung đội Danh dự, súng trường chỉ địa.

Đi sau quan tài là Đơn-vị-trưởng, Phi-đội-trưởng và quân nhân các cấp thuộc Phi-đoàn không bận trực.

Hoa tiêu đồng đội cầm những vòng hoa phúng điếu thì đi đầu, có xe Hiến binh mở đường.

Đám táng lặng lẽ đi chậm chậm qua các đường phố đầy nắng rồi ra tới nghĩa trang.

Khi Đơn-vị-trưởng đọc xong ai điếu, những người bạn ném xong mỗi người một cành hoa xuống huyết gởi gắm vào đấy chút lòng mình thương tiếc, thì người ta bắt đầu lấp đất.

Không đến một giòng nước mắt. Nhưng sao mà buồn.

Đêm đã khuya mà ông già Vui không tài nào ngủ được.

Vô mừng từ chạng vạng mới lên đèn, ông già cứ thao thức mãi tới khi bà Vui xất xong mấy cây chuối để sáng sớm cho heo ăn, tắt đèn lên nằm.

— Ông nó chưa ngủ à !

Ông già cầm cây quạt mo phẩy phành phạch mấy cái, rồi trả lời : Nóng quá mầy ạ !

Một chập sau, bà Vui đã ngủ say mà ông già hãy còn trần trọc, trần trở. Hết nằm nghiêng bên này lại nằm nghiêng bên kia, rồi nằm ngửa gác tay lên trán, chân tréo ngoáy, nằm kiểu nào ông già cũng không tài nào ngủ được.

Cũng như đã gần cả tháng nay, không đêm nào ông già ngủ được một giấc thẳng thét từ đầu hôm tới sáng như thường lệ.

Đêm nào cũng mộng mị, chiêm bao.

Mùi thịt người cháy khét lẹt, hăng hực, môi hở ra, răng cắn chặt, hai bàn tay bầu lấy ngực, chân co quắp, và đôi mắt, đôi mắt mở, không chớp, vàng khè, cứ trừng trừng nhìn ông già.

Có điều mà ông già Vui đã không khai báo với nhà chức trách, là khi ai nấy nằm mọp xuống, ông già ngoái cổ nhìn thì thấy lửa cháy và người ngồi trong máy bay, mặt dầy về đám đông, nắm hai tay đập mạnh nhiều lần vào tấm kính, miệng há rộng dường như đang la lớn lắm, vẻ mặt kinh hoàng và đau đớn tột cùng. Một lúc sau lửa cháy tới gần thì người đó

ôm lấy ngực, đầu gục xuống, dáng như người đang ho khan.

Ông già xách khúc cây chạy tới đập mạnh mấy cái, tấm kiếng bể toang, bỗng xốc người ngồi trong máy bay ra thì giựt mình tỉnh giấc, nghe bà Vui đang lay gọi

— Minh ơi, mình à ! Mình mở cái gì mà la dữ vậy !

Ông già dở mùng, chui ra, lấy khăn tắm vắt ở thành ghế lau mồ hôi. Xong, tới mở tủ thờ lấy chai rượu trắng, tu một hơi dài.

Có gần cả tháng nay, ông già Vui đâm ra ít nói, mất ăn, mất ngủ, gầy tọp đi. Lại sinh ra lỉnh lỉnh, ngồi đâu thì ngồi chết một chỗ, mắt đăm đăm như nhìn vào hư không.

Ông già bị ám ảnh bởi chiếc máy bay bị nạn. Và ông già chỉ còn nhớ rành mạch là cái lúc lửa cháy lớn, cái nét mặt kinh hoàng và đau đớn tột cùng của người ngồi trong máy bay đang đâm thình thình vào vòm kiếng.

— Sao mình đã không đập tấm kiếng để bỗng ông ra !

Ông già khò sở dần dai vì ý nghĩ đó.

Cho tới một hôm, thằng Lê ở xóm dưới lên thăm.

Nhân nhắc lại chuyện cái máy bay rớt đạo nọ ở sân đá banh của làng, nó hỏi : Cái lúc máy bay đương cháy, đạn ở đâu mà bắn ra dữ quá hả Bác, đã nằm sát đất mà cứ nghe sần sạt mang tai, còn dữ hơn cái hồi Tây đổ bộ ! ».

Ông già Vui như sức nhớ ra, nghĩ thầm, sung sướng :

— Đạn ở đâu mà dữ quá ?

Từ hôm đó, ông già Vui lại ăn được, ngủ được. Nhưng những chiều nhá nhem tối, công việc đồng áng xong, ông già cũng vẫn không về tắt ngang sân banh.

Mấy đứa nhỏ đã ngủ say trong đêm khuya. Ông và Bà Durand vẫn còn ngồi bên lò sưởi.

Ông hút píp, đọc báo. Bà ngồi đối diện đan áo rét.

Các cửa kiếng đã đóng kín, vẫn nghe có tiếng gió từ biển Manche thổi về vun vút trên mái nhà và vọng lại tiếng sóng vỗ ầm ầm vào gành đá.

— Ông mặc thử chiếc áo này coi « Ông mặc vừa thì thằng Claude mặc vừa ».

Ông Durand cầu nhàu :

— Tôi đã nói với Bà, ở Đông Dương mặt trời quanh năm thì làm gì có lạnh. Phải chi Bà đan cho thằng Gérard hay con Monique thì tốt hơn.

Nhưng Ông cũng cầm chiếc áo đan dở, mặc thử. Thấy vừa vặn, ông cởi ra, đưa bà và bảo : « Bà nói vai ra một chút Con trai chúng chóng lớn ».

Ông nhồi thêm thuốc vào píp, đến bên lò sưởi lấy một que củi đang cháy, châm thuốc, vừa bập bập, vừa bảo :

— Lúc này ở bên đánh nhau dữ lắm.

Bà lo lắng :

— Claude nó nói nó đóng ở Tourane, ông coi có đánh nhau ở đó không ?

Ông nư không nghe bà hỏi, thủng thỉnh nói tiếp

— Thằng kỳ quá ! Tôi đã nói với nó, thôi ! đừng qua bên làm gì. Nghèo thì sống theo nghèo. Qua bên để chết cho mấy thằng thực dân cướp nước của người ta thì nghĩa lý gì. Mà nó không chịu nghe tôi !

Bà vẫn biết con tình nguyện, nhưng cứ bảo

— Ông lạ chưa, lính tráng thì người ta chỉ đâu đi đó. Không đi mà được à !

Bà buông que đan, với lấy tờ báo lên xem.

Ông về chỗ ngồi, miệng ngậm píp, mắt đắm chiêu nghĩ ngợi.

Khi củi khô trong lò sưởi cháy gần tàn, và trước khi đi ngủ, bà tới quì dưới tượng Chúa, cầu nguyện cho con.

Đêm nào bà cũng cầu nguyện cho con. Ngày lễ, chúa nhật nào bà cũng đi nhà thờ.

Đi ngang qua những di tích tàn phá của chiến tranh mà người ta giữ nguyên để đánh dấu một trang lịch sử, những mái nhà hư nát, gác chuông nhà thờ cũ đổ xuống, thánh giá ngã nghiêng, dấu vết đạn, trái phá còn ám khói trên các tường vôi đá, những lô cốt bề và mấy chiếc xe tăng đứt xích còn nằm liệt dưới chân đồi... bà hồi tưởng lại ngày Đồng minh đổ bộ.

Phi cơ hàng đoàn dội bom ầm ầm xuống làng, súng lớn dưới tàu bắn lên, thủy lôi, địa lôi nổ, cao xạ rầm rầm, đại bác trên các chiến xa, đại liên trong các lô cốt dọc bờ biển bắn đùng đùng, ào ào, nhà cháy, người kêu... Trong cái địa ngục

lửa đạn đó, thằng Philippe, đứa con thứ tư của bà đã chết khi vừa lên tám. Và bao nhiêu người đã chết. Máu dấy trên tường, trên cây cỏ, máu loang lổ mặt đường, suốt mấy hôm máu còn loang nước biển cạnh bờ.

Bà nghĩ chiến tranh, dù ở đâu, bên này trời Tây hay ở bên kia trời Đông á, chắc cũng hãi hùng, kinh khiếp như vậy. Bà càng thiết tha cầu nguyện cho con.

Mùa Đông qua với một lễ Giáng sinh buồn tẻ.

Mùa Xuân lại về trên miền Normandie.

Sớm mai dậy nghe có tiếng chim hót trên mái nhà. Nắng sáng và ấm hơn lên. Lê táo đơm hoa. Những cánh hoa trắng, hồng, cánh nhỏ nhỏ, rục rở dưới ánh nắng, phe phẩy trong gió nhẹ hây hây mùi đất mới vỡ.

Tàu đánh cá sửa soạn ra khơi.

Những trưa ngồi hong nắng dưới mái hiên, đem thư con ra đọc lại, nghe con vẫn mạnh khỏe, bà mừng, nghe đạo này chiến trận càng gay go, ác liệt, một mất một còn nhưng con tin đó là triệu chứng

của cuộc chiến sắp đến hồi chấm dứt, bà thêm lo lắng cho con nhưng cũng tràn đầy hy vọng một ngày đoàn tụ rất gần.

Rồi mùa hè sang với phong thanh có tin đình chiến.

Một hôm Ông hơn hờ cầm tờ báo chạy về, chưa tới cửa đã cười la

— Đình chiến rồi bà ơi !

Bà mừng còn hơn năm xưa được tin thắng trận, Đức đầu hàng.

Mấy hôm sau lại được thư Claude : Con viết thư này về Ba Má ngay lúc tiếng súng ngưng nổ trên khắp chiến trường Đông Dương. Tuần sau, Phi đoàn con sẽ dời về đồn trú gần Saigon. Con sẽ có dịp đi mua tranh sơn mài, tơ lụa, tượng ngà v.v... và tới tháng Mười hồi hương, con sẽ mang về một thẻ...

Ông Bà viết thư hỏi con, chiếc phi cơ con hồi hương sẽ hạ cánh xuống phi trường Orly hay Blagnac, đề ông bà liệu việc đi đón.

Chưa được thư con trả lời, thì một sau trưa nóng nực, mấy đứa nhỏ đã rủ nhau ra tắm biển, ông bà đang ngồi ngoài vườn cây im bóng, viên Xã trưởng mang di vật của Claude tới với lời phân ưu của Chánh phủ.

Tiếng máy đang nồ đều, bỗng nghe bất thường.

Thân tàu rung mạnh. Phi cơ mất dần cao độ.

Anh kiểm điểm lại các phi cụ thì thấy kim chỉ nhiệt độ dầu lắ lư ở trên mực tối đa, và nhìn vào cao độ kế thấy không thể nhảy dù được.

Anh giảm ga, khóa xăng, nhận nút tự động mở vòm kiếng, tắt máy, tắt điện, khóa nịt ghế và dây chằng vai, nhúi thêm tay lái để lấy tốc độ cần thiết, rẽ nhẹ sang phải, kéo nhẹ tay lái cho phi cơ vượt qua những cây cao của khu rừng, thì thấy khoảng đất trống sân banh.

Anh thấy mình bình tĩnh lắm và ngạc nhiên Trong trường hợp mà không mấy ai thoát chết như thế này, sao mình lại chỉ có thể nghĩ rằng phen này thì có dịp để nói « phét » với mấy thằng bạn, và viết thư về cho Jeanne hay là anh cũng đã từng « chạm mặt » với tử thần !

Anh xả hết cánh cản, hạ cánh. Phi cơ lết sần sạt rồi dừng hẳn.

— Không hơn hai phần ba sân. Tài thật ! Anh cảm thấy tự phục mình. Anh kéo kính bay lên, rút giây vô tuyến, mở khóa nịch và giây chằng vai, leo ra.

Nhưng chiếc mũ nhựa đựng cộp vào vòm kiếng làm anh đội ngược.

— Hồi nãy mình đã nhận nút tự động mở rồi mà ?

Anh nhận lại, rút chốt, kéo mạnh vẫn không mở được vòm kiếng.

Anh đưa hai tay lên chửi, trực thấy một ông già ở ngoài đang kéo. Anh đẩy, ông già kéo. Cũng chẳng mở được vòm kiếng.

— Ô hay, sao ông già lại chạy đi.

Anh nhìn theo ông già thì thấy một toán đông người đang chạy lại.

— Phên này thì yên chí.

Lúc đó lửa đã tới, thùng xăng phát nổ. Hai khẩu đại bác bên cánh trái bắt đầu nhả đạn.

Đám người nằm mọp xuống.

Như có luồng điện mạnh chạy qua người, anh hốt nhiên kinh hoàng. Anh đâm thình thình vào vòm kiếng, hét gọi.

Lửa đã tới thân tàu. Buồng lái đã có khói. Anh sặc sụa, tức thở, nghẹn ở họng, cay ở mắt. Anh kéo kính bay xuống, ôm lấy ngực, ho rũ rượi. Rồi một cái cảm giác không biết là nóng

hay là lạnh nữa, nhưng vô cùng, và làm tê liệt, ở hai bàn chân từ từ lên tới vế, lên tới háng. Khi cái cảm giác đó lên tới ngực, anh thấy mình bình tĩnh, sáng suốt lạ thường

Trong một khoảng thời gian cực kỳ ngắn ngủi, anh thấy lại gần như trọn vẹn cuộc đời mình từ thuở ấu thơ.

Anh đứng đưng, không buồn cũng không vui, như đang xem một cuốn phim nhạt, và khi cuốn phim chấm dứt, anh đứng lên

— Thôi già từ tất cả!

Anh nhìn lại lần cuối cùng cái thi thể cháy đen ngồi trên ghế lái, định vuốt đôi mắt xuống, nhưng nghĩ

— Thôi, còn bận bịu gì cái hình hài dơ dáy đó !

Anh bước ra. Thì cái cảm giác không biết là nóng hay là lạnh, nhưng vô cùng, tuyệt đối, cũng vừa lên tới đỉnh đầu của cái xác rồi tiêu tan

Ông Durand đã soạn thấy trong di vật của con, giữa những quần áo, tranh lụa, tượng ngà, một bức thư.

Hồi còn sống, mấy lần đọc bức di thư của mình anh đã đều nghĩ : Lời lẽ như vậy chỉ càng làm cho cha mẹ mình thêm rầu buồn vô ích, Anh đã định hôm nào sẽ viết lại một bức thư khác vui» hơn. Hay không viết gì nữa. Nhưng chưa viết thư khác, cũng chưa hủy bỏ thư cũ thì đã tử nạn.

Và anh đã không chết như hằng mong mỏi. Nếu phải chết, xin cho được chết ở chiến trường. Mà đã chết khi đang bay dượt.

TOURANE, Ngày. . . tháng. 1954

Thưa Ba Má,

Con đã chết,

Chết ở chiến trường.

Khi thư này tới tay Ba Má thì người ta đã chôn con trong một mộ địa xa xôi nào đó, giữa các chiến hữu phần đông cũng thanh niên chết trận như con hoặc xác thân con đang rữa ra, bày xương trắng trong rừng hoang rậm hay lũng sâu, đèo cao mà không ai biết đó là nơi nào.

Cũng may mà con chết xa đất nước. Vì chết trận, nhất là hoa tiêu chúng con, thì mấy ai thì thề được nguyên toàn. Không chết cháy, không dập ngực hay gãy tay chân, cũng bề xương đầu, phọt óc. Chứng kiến cảnh tượng đó, Ba Má chỉ thêm đau lòng.

Con đã chết dưới cờ, Chết vì Tờ quốc.

Vinh dự thay !

Nhưng đau đớn thay, thật sự lại là đã chết cho một nhóm người thực dân ngoan cố. Chết để bảo vệ đồn điền của họ, vườn cao su của họ, vườn trà, vườn cà phê của họ.

Thưa Ba, con cũng biết rõ điều đó lắm. Nhưng nghĩ rằng nhà ta nghèo, Ba Má đã già, mấy em con còn nhỏ dại, nên con tình nguyện sang đây. Lương bổng cao hơn, con sẽ giúp đỡ Ba Má được phần nào.

Nhưng dù sao, với thiên hạ, con cũng đã chết vì Tờ Quốc.

Cái chết mà Victor Hugo ca tụng. Cái chết mà người đời ngưỡng mộ, tôn sùng. Người ta cho là Ba Má tốt phúc, có con anh hùng xả thân cho đất nước. Người ta sẽ đọc tròng giang ai điệu ngợi khen võ nghiệp của con, một cấp chỉ huy ưu tú, một sĩ quan trẻ tuổi, một hoa tiêu thiện chiến, anh dũng, đã tham dự hầu hết các chiến trận ở Viễn Đông.

Người ta cũng sẽ không quên ca tụng Ba Má đã có công giáo dục, rèn luyện cho con từ thuở thơ ấu một tinh thần hy sinh cao quý, vì nước quên mình. Người ta sẽ nhân danh Chính phủ và Quân đội gắn vào ngực Ba cái Bắc đầu Bội tinh với tình tri ân của đất nước.

Con biết những điều đó không làm Ba Má vui buồn, không làm sao với được nỗi đau đớn vô cùng của Ba Má.

Dù con có chết oai hùng ở chiến trận, hay chết vì quyền lợi của một nhóm người, hay vì gì đi nữa, thì cũng chết mà thôi. Nghĩa là từ nay Ba Má không còn bao giờ gặp lại mặt con.

Mấy em con còn nhỏ dại, Ba Má đã già, rồi một mai từ bỏ cõi đời, lấy ai chăm lo cho chúng, giáo dục cho chúng nên người, lấy ai chăm lo mồ mả tổ tiên năm năm tới ngày tảo mộ.

Nhập ngũ từ năm hai mươi tuổi, đã gần tám năm qua dài đằng đẳng, họa hoằn một hai năm con về thăm nhà một lần vài hôm, đề khi đi lại làm khổ Má thức khuya dậy sớm nấu cho con ấm cà phê, son súp đề mai sớm con ăn lên đường.

Có một bận chợt thấy Má ngồi bó gối bên bếp lửa chờ súp sôi, mắt đăm đăm nhìn ra trời khuya và lặng

lẽ khóc, con rón rén trở lên giường nằm mà đau xót, thương Má vô cùng.

Trước khi ra tàu, thấy Má rung rung nước mắt, con muốn nói những lời thật dịu dàng để an ủi Má, nhưng rồi không hiểu sao con đã cau có mà nói với Má rằng: «Lần nào con đi Má cũng khóc. Con không về nữa đâu».

Suốt hai năm sau, sang Bắc phi học tập, con không về thăm Ba Má và bận việc học hành, thư từ con cũng thưa thớt hơn xưa. Con biết Má buồn khổ lắm, vì Má đinh ninh là con giận Má.

Rồi mãn khóa con về, thấy Má ra đón con tận ngoài cửa ngõ, mừng rỡ ôm lấy con, miệng cười mà nước mắt Má tuôn rơi, dành xách vali cho con, nắm tay con, hỏi han xằng xuýt... mà con đau đớn. Trời ơi ! Sao con không được sớm hôm hầu kề Ba Má !

Lần đó về, con thấy cảnh nhà càng túng quẫn. Ba đã già còn phải đi biển đương đầu với sóng gió, mưa bão của ngoài khơi. Má thức càng khuya, dậy càng sớm, thêu thêm khăn, đan thêm áo để kiếm tiền cho các em con đi học. Con quyết định sang đây.

Chiến tranh đã giết em con, đã làm nhà ta suy sụp, bây giờ con lại sang đây để tiếp tay gây chiến.

Trở trêu thay định mệnh !

Khắc nghiệt thay là cuộc đời !

Đêm nằm nghe sóng biển, con nhớ về miền Normandie yêu dấu, ngày đi bay thấy những ông già bà già cày cuốc trong đám ruộng khô cằn cỗi, con thương về Ba Má, nhớ nhung đá sỏi quê ta.

Nhưng làm sao, trời ơi ! Làm sao con có được thêm tiền mà không phải sang đây.

Bây giờ thì con đã chết.

Sống chết là lẽ đương nhiên của tạo vật, nhưng sao Trời bắt con phải chết lúc này, khi Ba Má đã già mà các em con còn nhỏ dại !

Lạy trời cho chúng chóng nên người !

Lạy trời ban phước lành cho Ba Má !

Con,
CLAUDE

Jeanne vừa ở quán Rarsi ra. Cái lạnh ngoài đường làm nàng thấy dễ chịu.

Rarsi không khác gì mọi đêm.

Cũng ồn ào, náo nhiệt, và ngọt ngào. Cũng nhạc, cũng nhảy, cũng rượu, ánh đèn mờ mờ, khói thuốc mịt mù, cũng hôn nhau nồng nàn trên bàn, sau bar, ôm ghì lấy nhau mà hôn, dần ngửa ra mà hôn, tấn vào tường mà hôn, ghì lấy đầu mà hôn. Những cái hôn tưởng chừng sẽ làm đứt hơi, khi buông nhau ra tưởng chừng muốn ngã khuỵu. Lại ực rượu mạnh, lại giựt gân nhảy « bi bộp », lại cuồng hăng la hét, tóc rối tung, áo bật nút, mắt sáng lên, lại hôn nhau.

Như không biết cái ồn ào bên mình, dăm kẻ tay chống cằm, ngồi bên những ly rượu đã cạn để bừa bãi trên bàn, mắt nhắm nhắm, im lìm như những pho tượng.

Người con gái ca sĩ mặc chiếc áo bao gươm » tuyền đen, thân hình dài như không bao giờ tận, tóc sẫm màu nâu buông xuống ôm lấy bờ vai trắng nõn nuốt trong ánh đèn mờ, một tay còn cầm ly rượu, một tay mơn trớn máy loan âm. Người con gái chệnh choáng, lắc lư, hát một bản « xì lô » thật là buồn.

Nhạc vẫn chơi « bi bộp », trên sàn nhảy người ta vẫn nhảy rậm rật và la hét, người con gái vẫn hát « xì lô » thật là... buồn :

*ái tình làm anh mệt chẳng
sao em không thấy bàn tay anh
sao em không thấy làn môi anh
ấm êm như quả hồng tháng hạ
mơn man làn da em...*

Giọng người con gái ngọt sệt như có hơi cointreau vương cổ họng, say đậm như khói thuốc gauloise, và mắt người con gái mơ màng như có một quả hồng rằm nắng đang mơn man da thịt.

Không khác gì mọi đêm bao nhiêu. Vẫn là cái không khí của Rarsi mà Jeanne ưa thích.

Nhưng khi Robert dẫn ngựa nàng ra trên bàn, đổ rượu vào miệng nàng rồi hôn lên môi nàng, Jeanne bỗng đứng rùng mình ghê tởm.

Cái lạnh ở ngoài đường làm nàng dễ chịu. Jeanne cảm thấy Paris hoang vắng hơn mọi đêm.

Thời tiết đã sắp vào xuân, nhưng cây cối hãy còn trụi lá, bóng khẳng khiu ngã dài trên mặt đường loáng ướt mù sương. Dăm kẻ bộ hành đội mũ dạ chùm hụp, tay thu trong túi khép chặt lấy tà áo choàng ngoài, bước nhanh như chạy trốn cái lạnh trời đêm.

Jeanne đánh diêm châm một điếu thuốc lá.

Tương tự khiến nhớ. Tương phản cũng khiến nhớ.

Đôi mắt Robert sáng quắc tà dâm, miệng cười nham nhở và nặc nùng hơi rượu, bàn tay lông lá thô kệch như còn đè nặng trên ngực nàng khiến Jeanne nhớ tới đôi mắt, đôi môi, đôi bàn tay của Claude:

Mắt Claude rộng, trong, và xanh màu nước biển.

Những khi hai người ngồi im lặng trong phòng nàng, nắng chiều đã tắt mà bóng đêm chưa về, ngồi nghiêng trong lòng và ngả đầu vào ngực Claude, Jeanne ngược nhìn, thường bắt chợt Claude đang mơ màng, xa xôi nhìn qua khung cửa sổ.

Nàng tưởng chừng thấy phảng phất dáng mây trời một chiều thu tàn miền duyên hải buồn mênh mông, và những nỗi nhớ thương về miền quê dịu dàng lắng đọng trong ánh mắt người yêu. Nhưng những khi say đắm nhìn Jeanne, mắt Claude lại trĩu mển nòng nân, rạt rào như biển khơi gió làm dậy sóng, cái nhìn làm rạo rực tâm hồn, khiến người được nhìn sung sướng muốn trao trọn nỗi lòng.

Claude nhìn nàng mà chẳng nói, bàn tay lùa trong mái tóc rồi nhẹ bợ lấy ót nàng.

Bàn tay Claude đều đặn, ngón dài thanh tú, bàn tay của người đa cảm, trầm tư. Bên trong có chai đi đôi chỗ vì thường giữ tay lái, cầm ga xăng, chỉ làm tăng thêm cái đẹp của bàn tay một nét đẹp hùng. Bàn tay đã bao lần khắc phục cái cuồng nộ của giông tố bất kỳ trên biển Địa trung, hay cái dằn vặt chao dao của mây mù loạn động, ào ào cánh gió mistral.

Claude nhẹ nhàng kéo nàng vào, cái nhẹ nhàng mà không tài nào Jeanne cưỡng được, rồi hôn lên môi nàng. Ngoài kia trời làm mưa bão, ngoài kia gió lộng toí hời hay tuyết rơi, hay nắng cháy, đó là chuyện ngoài kia ; Jeanne đã nhắm mắt, vũ trụ nàng thu trọn về trong chiếc hôn, trong hai đôi môi gắn chặt, mỗi truyền cảm làm rung động từng tế bào.

Jeanne nhớ. Nhớ nhiều, triền miên trong kỷ niệm những ngày bên nhau. Đến khi nghe còi tàu hoả như xé đêm sương mới hay mình đã đến gần ga St. Lazare, không phải là hướng từ Rarsi về phòng nàng trọ.



Jeanne mua vé về quê Claude.

Đề thăm mộ người yêu. Thi hài Claude đã được đem về cải táng trên mỏm núi de ra biển, nơi ngày thơ ấu, Claude thường ra ngồi im lặng hàng giờ trong hoàng hôn xuống, tóc bay trong gió lộng, mà nghe tiếng gọi của biển khơi, trời rộng.

Một mình Jeanne xuống ga vắng.

Đêm sắp tàn. Ngọn đèn vàng bành bệch bên kia đường lờ mờ soi lên bảng tên của một phòng trọ nhỏ. Làng mạc còn im lìm say ngủ trong sương.

Nàng nghe tiếng chân mình trên đường, và nghĩ mỗi bước chân sẽ đưa nàng tới gần Claude hơn chút nữa. Gần nhau mà chẳng được gặp nhau. Một người nằm yên, lặng thinh trong lòng đất. Một người ngồi cúi đầu bên chân mộ chí. Gần nhau trong gang tấc, mà chẳng nói với nhau lấy được một lời.

Jeanne hình dung Claude nằm trong áo quan, xanh xao trên làn khăn liệm trắng. Mặt Claude đượm buồn, ngay cả trong giấc ngủ. Nàng ngồi bên, chờ Claude thức, như ngày xưa trong những sáng mà người yêu dậy muộn sau đêm dài ân ái.

Nhưng Claude đã ngủ giấc ngàn thu, không còn bao giờ dậy nữa. Nàng sẽ một mình ngồi gục đầu

bên mộ mà xót xa ngày qua sao chóng tàn, mà khóc thương cuộc từ ly sao quá vội.

Gió sớm bắt đầu thổi và mạnh dần.

Khi Jeanne tới chân mỏm núi de ra biển, gió càng to. Gió từ biển vào từng cơn ào ào xô bạt sương mai. Sóng đánh ầm ầm vào gành đá, bụi nước bắn tung. Cỏ cây nghiêng ngả, lá rụng rơi. Chập chòn trong sương, trên mỏm núi, mấy cây bách từng rạp xuống, bật vọt lên trong khoảng khắc gió dừng, lại rạp xuống gào rít, rú thét.

Jeanne tưởng chừng gió to như thế sẽ đánh thức được những người đang say ngủ. Dù là đang ngủ dưới mộ Claude sẽ thức giấc. Claude sẽ dậy mà xuống với nàng.

Jeanne quay mình vọt chạy thất thần.

Còn đâu đôi mắt trong màu nước biển, còn đâu đôi môi, đôi bàn tay thanh tú của ngày xưa. Người nàng yêu bây giờ chỉ là một bộ xương khô, mắt tối đen và sâu thẳm, đang mò mẫm bước thấp bước cao trong đêm tàn, trong gió sương.



Nhạc vẫn chơi bì bộp trên sàn nhảy quán Rarsi, người ta vẫn nhảy rậm rật và cuồng hăng la hét, người con gái ca sĩ vẫn chuyển choáng hát một bản xì lô thật là buồn

*ái tình có phải đâu là mùa Xuân hay là mùa Hè
có phải đâu là đôi mắt, bàn tay hay mái tóc*

mà là

mà là

đôi môi anh...

Khi Robert dẫn ngựa nàng ra trên bàn. đồ rượu vào miệng rồi hôn môi nàng, Jeanne hôn trả. Xong, nàng ngồi lên, gục đầu, cười sặc sụa.

NGÂY THƠ



Ngày. tháng. năm:

EM,

Anh không còn sống được bao lâu nữa. Bệnh anh đã đến hồi nguy kịch.

Anh về đây, giữa tĩnh mịch của núi rừng, sống những ngày cuối mong manh để viết thư này cho em.

Anh sắp chết rồi. Còn dấu diếm em làm gì. Còn đề em giữ mãi về anh cái hình ảnh đối trá : anh là một thanh niên tài tuấn, hào hoa, mà làm gì !

Chết là hết. Hết lo nắng sớm mưa chiều, hết buồn vui vinh nhục, hết lòng tự ái kiêu sa. Nếu không sẽ còn là linh hồn anh đơn chiếc quần quít bên em.

Anh sẽ chết không yên nếu còn để em mang mãi, ấp yêu hình bóng anh khi về với nhà chồng. Anh không như em tưởng đâu, không hào hoa, không phong nhã. Mà chỉ là một kẻ ích kỷ đê hèn.

Ngày mà ta biết nhau, anh đã mắc bệnh từ gần hai năm về trước, năm anh hai mươi hai tuổi, khi anh vừa thi xong bằng Cử nhân Luật học. Ai cũng tin rằng đường đời anh sẽ trải toàn hoa gấm, nhưng ai có ngờ đâu trong người anh đã có mầm chủng bệnh nan y !

Anh lao phổi.

Ai có thể tin rằng một thanh niên đáng khang kiện như anh, mà lao phổi.

Nhưng trời ơi ! Anh lao phổi !

Anh lên miền núi tĩnh dưỡng gần một năm thì được trở về với lời bác sĩ căn dặn phải cẩn thận giữ gìn sức khỏe, phải kiêng cử nhiều điều. Và với một tâm hồn oán hận cuộc đời. Vì anh cho rằng có giữ gìn mấy đi nữa, anh cũng sẽ chết non, chết ở ngưỡng cửa của cuộc đời hứa hẹn huy hoàng đang rộng mở.

Anh uất ức, đau buồn cho số phận. Anh trách Trời sao bắt anh sẽ phải chết giữa tuổi xanh đầy mộng đẹp. Anh ghen tị với những người mạnh khỏe, tại sao họ vui khi anh đau khổ, cười khi anh khóc thầm.

Ghen ức, uất hận làm lương tri còn anh không sáng suốt nữa. Những bản năng thấp kém của con người, bản năng tự kỷ, bản năng dâm dật, bản năng tàn phá đẩy lên ngự trị hồn anh.

Anh phải trả thù ! Trả thù những người mạnh khỏe mà trong tâm hồn bệnh hoạn, anh cho là họ đã hững hờ, lạnh nhạt đi qua đau khổ của đời anh không một lời an ủi, không một đoái nhìn.

Anh phải tận hưởng lạc thú của cuộc đời, dù phải chết sớm hơn một vài năm, còn hơn là kéo dài tương đối một cuộc sống lơ dờ, lây lắt.

Thế rồi anh háo hức, hấp tấp đi tìm yêu. Đi trả thù.

Hắn sức khỏe anh như ngọn đèn sắp tắt từng sáng lần cuối cùng, hẳn những người mắc bệnh lao như anh có một vẻ buồn quyến rũ huyền hoặc lắm. Với cái tăng cử nhân, với sự tiêu tiền như rác, với các trang nhã trong cử chỉ, trong ngữ pháp mà anh hưởng thụ của Ba anh từ thuở ấu thơ, bao nhiêu người đã bảo là yêu anh.

Anh không cần phân tách xem tình họ yêu anh có chân thành hay giả dối. Anh cần gì ! Miễn anh chiếm được xác thịt họ để thỏa mãn nhu cầu sinh lý rạo rức, thúc bách của một người con trai đương thì mà biết mình không còn sức lực để hưởng khoái cảm vật dục được bao lâu. Miễn anh truyền được sang họ vi trùng độc hiểm của bệnh lao, để chúng ngấm ngấm đục khoét, phá hoại cơ thể họ là anh mãn nguyện, trả được thù !

Rồi gặp em.

Một cái gì khác lạ đã đến xáo trộn những nếp cảm nghĩ của hồn anh từ lâu bệnh hoạn.

Anh cảm thấy yêu em ngay từ buổi đầu. Yêu như yêu một đóa hoa, như yêu một bài thơ. Yêu mà không bợn một ý nghĩ vật dục dề hèn nào, không mãi mai tự kỷ.

Suốt hai tháng gần nhau, em chưa hề bảo là yêu anh, vì anh không hỏi. Nhưng anh biết là em yêu anh, yêu với mỗi tình đầu rào rạt của tuổi mười tám, đôi mươi. Yêu không tính toán, cần nhắc. Yêu say mê, giao phó đời mình cho người mình yêu.

Không biết thứ tình yêu đó có cảm hóa được những tâm hồn tội lỗi !

Nhưng anh thấy cần phải xa em. Vì sẽ có một ngày, em sẽ biết anh là một kẻ mang bệnh nặng. Em sẽ khinh khi anh, vì anh đã lừa dối em, đang tâm phá hoại đời em để thỏa khát vọng riêng tư.

Điều em sẽ khinh khi anh đó, anh không quan tâm lắm, mà anh chỉ sợ lần đầu yêu đương đã bị lừa dối, thất vọng, em sẽ mang mãi ấn tượng là đàn ông ai cũng như anh, ai cũng giả dối, lừa đảo, dề hèn, ích kỷ. Ấn tượng đó sẽ vẫn đục hạnh phúc gia đình em mai hậu.

Rồi sau mấy đêm trăn trở, anh đã đến thăm em vào sáng mờ sương lạnh hôm đó, đề giã từ em, nói dối em là đi học xa trong một vài năm sẽ trở về sống lại bên em.

Anh còn nhớ mãi, ngồi trong tranh tối tranh sáng phòng em, anh tựa lưng vào đầu giường, ôm em ngồi nghiêng trong lòng, má em áp vào ngực anh, im lặng hàng giờ nhìn qua khung cửa sổ. Ngoài trời u ám, gió lùa từng cơn xao động sương mai dày đặc, bút vài chiếc lá xa cành. Anh đã ước thầm thời gian ngưng đọng, để ta đừng xa nhau nữa, để anh được mãi ôm em trong lòng, được thở trong tóc em hơi hướm của mùa nắng cũ, được cảm thấy hơi ấm em truyền sang người anh, và tình em thiết tha trong đôi bàn tay em ấp ủ đôi bàn tay anh.

Trước khi ra về, anh cúi xuống hôn lên tóc em. Em ngược mắt hoen lệ nhìn anh trêu mếu hồi lâu khẽ bảo : « Em chờ anh ».

Anh xót xa, đau đớn vô hạn, vì anh đã dối em, vì anh biết rằng lần đó xa nhau, ta vĩnh biệt nhau.

Gần một năm qua rồi còn gì. Mùa lại sắp trở lạnh.

Ngày từ biệt em, anh về ngay Cao nguyên tỉnh dưỡng. Nhưng những đêm dài trác táng xưa kia, và gần một năm qua sống ăn năn ray rứt khiến bệnh anh nay đã đến hồi nguy kịch.

Bây giờ thì anh về đây, giữa núi rừng hoang vắng, để chờ chết.

Ngày mai, ngày kia, gần lắm rồi, anh sẽ chết. Anh chết với hình dáng em trong tim và trong mắt.

Anh van xin em tha thứ cho anh. Và quên anh đi !

Vĩnh biệt,

NÓ buông viết, thần thờ đứng dậy đến tựa vai bên cửa sổ nhìn ra.

Đã ba hôm nay nó về đây với người lão bộc, ở chiếc nhà sàn mà ba nó cất sơ sài giữa rừng để tạm trú trong mùa săn.

Ngoài trời đã băng lãng hoàng hôn. Xào xạc lá rụng trong rừng chiều và một con chim lạ lặng lẽ bay ngang trời, cánh vỗ chậm chạp.

Đến khi trời tối mịt, nó quay vào, tái bút bức thư gửi về nhà

T.B. Con biết Ba Mi thương con, nhưng đừng ai lên thăm con. Bệnh con nặng lắm rồi càng truyền nhiễm. Nếu Ba Má và các em con, bất cứ ai lên thăm, con sẽ tự hủy mình.

Con bất hiếu,

Ông già Năng mang thư về thì hai hôm sau mẹ nó lên thăm.

Nó đang đứng bên cửa sổ nhìn ra trời u ám, lất phất mưa bay thì thấy mẹ, đứa em trai nhỏ và ông già Năng đang nặng nhọc, lom khom lên đồi lau.

Một niềm thương cảm thấm thía tràn ngập tâm hồn, nó muốn chạy vội xuống nhà, lên đồi đón mẹ và em.

Nhưng nó không làm gì cả, vẫn đứng yên bên cửa sổ, lặng lẽ nhìn ra, răng cắn chặt, hai hàng nước mắt trào tuôn. Rồi khi bà cụ và cậu em trai đến gần cầu thang, nó quay vào, cài chặt cửa phòng.

— Con ơi! Mở cửa cho má chút!

Tiếng bà cụ run run như nói trong tiếng khóc, như cầu khẩn, như van xin.

Bỗng dưng nó giận dữ: « Má có về đi không. Con nhảy xuống đất tự vận ngay bây giờ ».

Im lặng giây lâu, tiếng bà cụ lại run run, khẩn khoản

— Mở cửa cho má chút con!

Nó quát to: « Về đi má » rồi đập phá lung tung. Tiếng ghế ngã, ly vỡ, tiếng nắm tay nó đấm thình

thình vào vách, tiếng bà cụ oà lên khóc, tiếng cậu em trai thút thít và tiếng bước chân lê ra cầu thang.

Nó vật mình xuống giường, úp mặt vào gối khóc nức nở.

Nghe như bà cụ bước hụt một nấc thang. Tiếng cậu em trai kinh hãi : Anh ơi, Má té !

Tiếng ông già Năng gọi cấp bách : Cậu ơi !

Nó nhồm phắc dậy, chạy vội ra. Nhưng tới cửa, đứng dừng lại, hét to « Về đi » rồi gục ngã lả trên cánh cửa then cài.

Đêm có lẽ đã khuya lắm.

Trong tiếng vọng mờ hồ của rừng sâu, nghe như tiếng thác Mòn Đụng đồ ròn rập hơn mọi đêm.

Suốt từ đầu hôm, hình dáng đứa em trai mắt hoen lệ dịu mẹ già gục đầu khóc sụt sùi trên vai con, thất thểu ra về, làm nó cứ thao thức. Thêm những ý tưởng lộn xộn, mâu thuẫn đến trong tâm trí làm nó không tài nào ngủ được.

Nó sắp chết, không còn xa xôi gì nữa.

Tội lỗi đã nhiều, bao nhiêu đàn bà, con gái đau khổ vì nó đã ruồng rẫy phụ bạc họ, chơi hoa còn bẻ cành bán rao, và bao nhiêu sẽ mang lấy bệnh lao như nó.

Chết để đền tội, nó không còn ân hận gì nữa.

Chết, nó còn tránh được cho cha mẹ và các em nó nỗi lòng canh cánh thương cho đứa con, người anh bạc phước, mong manh mạng sống đếm từng ngày.

Chết, nó còn tránh được cho xã hội một con vật ký sinh nguy hiểm.

Chết là giải thoát, giải thoát cho những người thân yêu và giải thoát cho cả chính mình. Nó sẵn sàng đón nhận cái chết như một người mệt mỏi sắp được một giấc ngủ yên.

Nhưng nó lại nghĩ: Tại sao trong khi bao nhiêu con trai, con gái trang lứa mình đang vui cười trong hộp đêm, tiệm nhảy, hay từng cặp sánh bước trên đường khuya, từng cặp trên giường êm ấm, mình phải nằm đây, cô độc giữa lạnh lẽo của núi rừng chờ chết, một cái chết tối tăm, không người vuốt mắt !

Những đôi môi mọng ướt, những đầu vú căng lên, những cặp đùi nôi da gà rộng mở hiển hiện trong căn nhà, làm nó bồn chồn, bứt rứt, rạo rực.

Nó hình dung một người đàn ông lạ đang kéo người yêu của nó vào lòng. Nàng cười lả lơi, mắt sáng lên.

Có cái gì chận ngang ngực. Khó thở lắm. Có cái gì nghẹn ở cổ. Nó thở gấp, gục mặt. Máu chảy rần rạt. Đầu nóng bừng.

Nó vụt nhồm dậy, bứt màn, quăng mền, xô bàn, xô ghế...

Trong ánh sáng vàng vọt, hắt hiu của ngọn đèn dầu kê đầu tủ, nó đứng giữa cái bừa bãi của gian phòng, hai tay nắm chặt, mắt long sòng sọc nhìn quanh quẩn, miệng gừ gừ như một con chó điên.

Rồi thấm mệt, nó ngã xỉu.

Nó bàng hoàng chợt tỉnh.

Ánh sáng bàng bạc, yếu ớt của trời rạng đông đã len qua kẽ vách.

Khi Ông già Năng, như mọi sáng, bung sữa lên, gọi mãi không thấy đáp, phá cửa vào thì thấy nó đã chết. Hai tay đã tím bầm vì sương lạnh, còn bầu chặt lấy thành cửa sồ, đầu gục vào vách, hai chân duỗi xoắn trên sàn nhà.

Đ I Ê N



57

ĐƠN VỊ hấn đóng ở ngoại ô Saigon.

Đơn vị nó đóng ở Banmêthuột.

Nhưng khi An Khê bị uy hiếp, người ta tăng cường đề cổ thủ thì chúng gặp nhau ở đây.

Rồi những khi cùng chiến đấu, cùng đói khát, cùng nằm rùng ngủ buội, khi đèo Mang, khi Cứu An, Thu Thủy, cùng gian lao, nguy hiểm người ta dễ thân nhau, chúng thân nhau.

Một đêm trăng lạnh, trùm mền nằm cạnh nhau giữa trời, trên một đồi lau sương ướt, hấn tâm sự :

— Cậu nghĩ có đau cho tớ không ?

Mới «chớp» được một em có mấy bữa thì tớ phải đi đây.

Cái chuyện ái tình nó oái oăm lắm cậu ạ ! Có khi tớ đeo đuổi cả hai, ba tháng trời, tán khờ tán sở mà chẳng ăn thua gì. Có khi không cầu mà lại được.

Hôm đó tớ thả rong các phố một lúc rồi vào một tiệm kem, định « câu » cô giữ két ở đấy, thì gặp nàng.

« Duyên tiền định » cậu ạ ! Tớ nhìn nàng, nàng nhìn tớ. Khi nàng ra, tớ theo ra. Hôm đó tớ tán « sơ cấp » hết sức « dường như đã gặp cô ở đâu, xin hân hạnh đưa cô về nhà, v.v... đại loại như vậy mà lại giật giải mới là lạ cho chứ.

Tớ gọi taxi, thay vì đưa nàng về nhà, mà tớ cũng chẳng biết nhà nàng ở đâu, tớ đưa thẳng về « động », « hạ liền ». Dễ dàng như vậy, ban đầu tớ nghĩ là dân làng nhót, nhưng chuyện tiền bạc không nghe nàng nói đến, cứ chỉ ăn nói lại « trí thức » lắm, thì tớ lại nghĩ là nàng muốn tìm « cửa lạ », chắc đức lang quân đang mãi mê cái bước công hầu, hay cũng liệt gân liệt cốt chi đó.

Mấy đêm sau, đêm nào nàng cũng đến. Có khi tớ tưởng là mình đang sống như ở Liêu Trai.

Khi đôi cánh tay tròn lẳn của nàng khép chặt sau lưng tớ, mười đầu ngón tay thon thon không hề nhọn, ấn, bấu vào lưng tớ, là tớ quên hết đau khổ của cõi đời này.

Tớ ngất ngây trong hương thơm nồng dịu của da thịt nàng, trong cái ấm êm ướt át của đôi môi nàng, rồi khi nàng lim dim đôi mắt ằm, rung khẽ bờ mi và thiết tha âu yếm gọi « anh » kéo dài và nhỏ dần trong một hơi thở, và đôi cánh tay nàng khép chặt hơn, mười đầu ngón tay ấn, bấu mạnh hơn làm tớ cảm thấy toàn thân nàng và tớ căng thẳng đến cực độ rồi liền như tan chảy ; hòa hợp với nhau, ngất ngây, êm dịu khác thường, tớ không biết trời đất gì nữa, con người cứ nhẹ lâng lâng như muốn bay lên với muôn vì tinh tú.

Ngoài tấm thân ngà ngọc và cái tên tớ đoán là nàng bịa ra, thì tớ không biết gì hơn. Tớ định bụng sẽ « điều tra », nhưng chưa có dịp đã phải đi đây.

Cậu nghĩ có đau cho tớ không ?

À ! Tớ còn « cầm nhầm » cái ảnh của nàng. Hôm sau cùng, thấy ví tay nàng có mấy tấm ảnh,

chắc vừa mới tới hiệu lấy và đề gởi cho đức ông chồng, tớ thuận tay « chọt » luôn một « tấm » đề « kỷ niệm ».

Nàng đẹp lắm cậu ạ !

Tớ không thể nào tả cho cậu thấy hết được cái đẹp của nàng, mái tóc bông bênh, làn môi hồng mòng mọng, đôi mắt, ối dào là đôi mắt. ! Cậu cứ tưởng tượng cho tớ là nàng đẹp, đẹp lắm, đẹp tuyệt trần.

À ! Cái động của chúng tớ thì ly kỳ. Tớ có thằng bạn, ông Cự nó có cái nhà bỏ không giữa một vườn cây trái cách Saigon mấy cây số, hôm nào cần đến, mình cho ông lão giữ vườn trăm bạc, cho lão về Saigon xem hát cải lương và nhậu ba-xi-đế, thì mình tha hồ, lếp. Em út mà dắt lên đó « hạ » thì tuyệt. Yên tĩnh, xa làng, xa xóm, chẳng ai nhòm nhỏ.

Hôm nào có về Saigon, cậu nhớ tới kiểm tớ nhé ! Nếu không có tớ ở nhà, mà ở nhà không ai biết tớ đi đâu, cậu cứ lên thẳng « động ». Nếu cậu cần, không em này thì em khác tớ sẽ « san sẻ » cho cậu.

À ! Cậu có tưởng tượng là nàng đẹp đến thế nào chưa ?

Tây Thi hả ? Bao Tự à !

Nàng còn đẹp hơn, cậu ạ. Cậu xem đây !

Nó cầm tấm ảnh lên xem dưới trời trăng sương tủa, thoáng thấy cũng không lấy gì làm đẹp lắm. Nhìn kỹ, nó tái mặt.

Chấp sau, nó bảo :

— Mày lượm tấm ảnh của người ta ở đâu rồi đặt điều nói phét !

— Ấy chết ! Thế là cậu chưa biết tở. Hôm nào về, tở sẽ giới thiệu cho cậu. Không chừng cậu sẽ mê tí tở thôi.

Nó đã mê tí tở thôi. Nó cũng có một tấm ảnh giống hệt trong bóp.

Ảnh vợ nó.

Vợ nó ngoại tình ?

Người con gái thùy mị, đoan trang, mà nó đã kén, đã chọn trong bao nhiêu con gái quen biết để làm vợ đó, bây giờ lại ngoại tình.

Yêu nhau từ lâu trước, thuận lấy nhau, cười hỏi đàng hoàng, không ai ép uổng, bây giờ lại ngoại tình.

Tiền bạc dư dả, không thiếu thốn, khổ sở gì, bây giờ lại ngoại tình.

Nó đi xa vì bôn phận bắt buộc, nhưng một năm, năm, bảy tháng cũng về vài hôm không phải là lý do để ngoại tình.

Thế mà đã ngoại tình !

Tưởng tượng vợ nó đang trần truồng, cười cợt lá loi, thỏa mãn nằm trong cánh tay một người đàn ông khác, nó căm giận, tức tối.

Nỗi bức bối đó, nó đem trút ra trong những lần xáp chiến, trong những trận đánh la cà đẫm máu ; nó đâm, nó bắn, la, hét túi bụi, xông xáo chẳng khi nào lùi.

Chiến dịch chấm dứt, nó vội vàng xin nghỉ phép và được Đơn vị trưởng chấp thuận. Ai lại từ chối một người lính đã chiến đấu « anh dũng », một cái phép năm bảy hôm.

Nó về Saigon thăm vợ. Mang theo khẩu 7,35 lòng ngắn.

Về nhà mấy hôm, thấy nàng vẫn là một người vợ hiền, dịu dàng, sung sướng được lo cho chồng từng bữa ăn, từng giấc ngủ, vui mừng thấy chồng về, nó nghĩ lại càng tin đúng là hấn đã đặt điều.

Nhưng cho chắc dạ, nó đánh điện tín xin nghỉ phép vài hôm mà không cho nàng biết.

Đêm trước hôm nó lên đường trở về đơn vị, nàng đã khóc nói với nó rất nhiều. Anh làm thế nào mà xin thôi về Saigon, chớ ở trên lâu quá, hay là em thôi đi làm lên ở với anh.

Sáng đưa nó ra xe, nàng đã buồn, rưng rưng nước mắt, bịn rịn lưu luyến, những cử chỉ không có gì giả dối, thật tình, chứng tỏ người vợ yêu thương chồng rất mực.

Nó càng tin vợ, nhưng tự nhủ « Phải cho chắc dạ ».

Khi tới cầu Bình Lợi, nó xuống xe trở lại Saigon và tìm đường như hấn đã chỉ, đề lên « động ».



Nó ngồi núp sau một bụi tường vì um tùm. Nghe mãi tiếng côn trùng rả rích, tiếng ếch nhái từ dưới ruộng sau vườn đưa lên, tiếng muỗi vo ve bên tai.

Nó xem chừng đồng hồ.

10 g 30 — « Mình cứ hay nghi ngờ ». Vợ chồng phải tin nhau, sao mình lại đi tin cái thằng bá láp, lượm tấm ảnh ở đâu rồi đặt điều. Phải cho nó một bài học để nó bỏ cái thói khoác loác đó.

11 g 00 — Hay chẳng lẽ chồng mới đi hồi sớm, đầu hôm đã đi với trai. Chắc đêm mai, đêm mốt.

Ngồi không nó hoạch định chương trình hành động nếu bắt được quả tang.

11 g 40 — Cũng chỉ tiếng côn trùng, tiếng ếch nhái văng lên buồn ảo não, tiếng muỗi vo ve bên tai làm khó chịu. Phần ngồi lâu tê cả chân, nó định đứng lên đi tới đi lui một lúc cho đỡ mỏi thì nghe có tiếng xe đậu ngoài đường.

Một lúc sau, nó thấy hai người đi vào.

— Đúng là nàng !

Đúng là cái đáng đi khoan thai từ tốn mà nó đã yêu ngay từ buổi đầu gặp gỡ.

Khi hai người đi ngang qua buội tường vi, nó nghe nàng hỏi

— Phim hồi nầy hay đấy chứ, anh nhỉ !

— Anh hùng như thế mà chết mệt vì một mỹ nhân.

Nàng cười. Đúng là tiếng cười nhẹ nhàng, trong trẻo như tiếng suối chảy lưng đồi, cái cười đã cho nó quên mệt nhọc sau những tháng dài chiến đấu.

Nó hậm hực : Giả dối » Hừ !

« Hay là em thôi đi làm lên ở với anh ». Quân khốn nạn, giả dối ! Chưa được một ngày đã đi ngủ với trai.

Hai người đã vào nhà. Nó thấy có ánh đèn bật lên, và cửa đóng lại.

Nó nhẹ nhẹ rời buội tường vi, lom khom, len giữa hai hàng cam thấp, tới ngòai nép mình bên cửa sò còn hé mở. Nó nghe có tiếng hần nửa đùa nửa thật : « Em đi đâu từ bao nhiêu hôm nay, để anh mãi mòn trông đợi. Em có biết không ? Biết anh đau khổ vì đợi chờ không ? ».

— Em đã bảo là anh đừng hỏi gì cả. Chỉ biết đêm nay mình gặp nhau.

Nó nghiêng qua kể rằng :

Gặp nhau, hừ, gặp nhau.

Một lúc sau, nó nghe có tiếng nàng như vừa rút môi ra từ một chiếc hôn :

— Việc gì anh vội vàng. Thủng thỉnh em cỡi áo đã !

Nó nghĩ thầm

— Đúng là giọng một con đĩ !

Tiếng hân dấm đuổi :

— Em có biết anh yêu em lắm không ? Như chưa từng bao giờ yêu !

Hình như chúng lại hôn nhau.

Rồi nàng hỏi :

— Anh có đóng cửa cẩn thận chưa ?

— Cẩn thận lắm rồi. Còn cánh cửa sò để cho mát, nhưng anh cũng đã buông màn.

Nghe như hân vật nàng xuống giường. Có tiếng chúng cùng cười khúc khích. Rồi im lặng. Một lúc, nghe có tiếng hì hục đều đều, tiếng rên khe khẽ.

Răng cắn chặt, đầu nóng bừng, hơi thở gấp rút, hai tay đã vò nát từ bao giờ giấy hoa leo bên thành cửa sồ, nó không chịu nổi nữa.

Nó móc phắc khâu súng ra cầm tay, mở toang cửa sồ, bứt màn, nhảy sồ vào.

Hắn ngồi nhóm dậy. Nàng vội ngồi lên, kéo tấm vải trải giường và nép sát vào tường.

Nó lên đạn, lúi ra cửa tìm nút bật điện.

Nàng kêu lên, hoảng sợ

— Trời ơi ! Anh !

Hắn, khi nhìn ra nó, van xin, phân trần

— Anh, anh nghĩ lại cho tôi ! Thật tình tôi không biết em đây là, là... vợ anh !

Giờ phút này nó còn gọi vợ mình là em này, em nọ. Khốn nạn thật ! Nhưng nó không nói gì cả, nét mặt dần dần trở nên thản nhiên ; không biết cái đau đớn đã đến tột cùng, hay nó cho là việc nó sắp làm là việc tất nhiên mà các người đàn ông khác trong trường hợp nó đều làm.

Một lúc sau, hắn xin

— Anh cho tôi mặc quần áo vào.

Không thấy trả lời, cũng không thấy vẻ gì nó phản đối, hắn đứng lên.

Hắn lăm lét nhìn nó, nhẹ nhẹ tới đầu giường lấy chiếc quần đùi, khom xuống giả vờ xỏ chân vào, chồm mình lao tới.

Nó né sang một bên, bốp cò. Cái thân trần truồng ngã huỵch, đầu đập cộp xuống sàn nhà. Nó lấy chân hất ngửa ra, thấy hắn đã chết. Máu còn trào ra từ vết tử thương trên ngực, đọng vũng trên sàn.

Nhìn lại thấy mặt nàng tái xanh, mắt trợn tròn và mồm há hốc, nó chậm chậm tới đề khẩu súng trên bàn, kéo ghế ngồi, châm thuốc hút, ngửa mặt thở khói lên trần nhà và lặng lẽ đưa mắt nhìn theo.

Vẳng nghe tiếng côn trùng rả rích, tiếng ếch nhái nhấc nhen từ thửa ruộng sau nhà đưa lên buồn ảo não, dăm chiếc lá khô xào xạc rụng ngoài vườn.

Nó châm đến điều thuốc thứ hai, nghe nàng run run khẽ gọi :

— Anh ! Anh tha thứ cho em !

Nó chậm rãi cầm khẩu súng lên, vuốt ve, ngắm nghía, đoạn nhanh như chớp, nó chĩa súng về phía nàng. Nàng giật mình kinh hãi, run sợ, cổ nép sát vào tường, cố thu nhỏ người lại. Nó nhếch môi,

cười mũi, lại đặt khẩu súng lên bàn, đầy ghế đứng lên đi tới giường, cúi xuống, hai tay nhún trên nệm, giọng cổ làm ra thản nhiên :

— Cái giường này êm thật đấy, cô nhỉ !

Nàng ôm chăm lấy tay nó, gục đầu, nức nở :

— Anh, anh tha thứ cho em !

Nó chẳng nói gì, để nàng khóc, để nàng ôm cánh tay một lúc, rồi nó hất mạnh ra, nàng ngã dội vào tường. Nó vói theo, giật lấy tấm vải trải giường quăng ra xa.

— Hừ ! Tấm thân ngà ngọc !

Nàng khóc :

— Anh giết em đi cho rồi.

Nó làm ra vẻ như không hiểu nàng nói gì. Nàng nức nở lập lại :

— Anh giết em đi cho rồi.

— Việc gì mà giết em. Không chịu bận đồ vô mà về, còn ngồi khoe tấm thân... ngà ngọc đó à ?

Nàng ngơ ngác chưa hiểu nó muốn nói gì. Nó tiếp

— Định ở đây luôn phải không ?

Khi nàng vừa bước xuống giường, nó chụp nhanh khẩu súng, nhắm vào hạ bộ nàng, lấy cò liên tiếp đến khi cò súng mò vào lòng trống. Nàng ngã ngửa trên giường. Cái cây đàn bà trần truồng nằm sóng sượt, tênh hênh, hai chân còn chạm đất.

Nó nhìn khắp gian phòng một lượt, cho súng vào túi và kéo cửa bước ra vừa khi đang đông trời rưng sáng.

Nghĩ lại chuyện vừa qua, nó không thấy mảy may ăn năn hay hối hận, tuy việc đã xảy ra không như nó đã định.

Nó không định giết hắn, vì hắn không rõ là nàng đã có chồng. Tuy hắn có nghi, nhưng không có gì chứng tỏ cho hắn biết thật sự là nàng đã có chồng. Nhưng khi thấy hắn định cướp súng, nó nghĩ thầm :

— À, mày muốn chết ! Thì cho chết.

Và nó đã giết hắn. Đó là cái số của hắn.

Còn giết nàng, thì trước sau nó cũng giết. Nếu không có cái chết của hắn, chắc nó sẽ giết nàng bằng

một cách khác tàn nhẫn hơn, độc ác hơn, dày vò khiến nàng phải đau đớn, phải khổ sở, phải chết lên chết xuống năm bảy lượt, rồi mới kết liễu cái tấm thân như bọt của nàng.

Người đàn bà ngoại tình mà chỉ thí cho năm, bảy phát đạn để chết tốt như vậy, thì thật mình hãy còn nhiều nhân đạo.

Nó đã định hoặc, nếu bắt được quả tang, nó sẽ dọa giết cả đôi để xem cái bỉ ổi, cái hèn hạ của những kẻ gian dân sợ chết đến thế nào.

Xong nó sẽ ra cái điều nghi lại, giả bộ buồn buồn mà nói với hắn :

— Thôi, tôi không buồn giận gì anh. Tôi lỗi là do đàn bà cả. Nhưng đôi khi họ cũng nhẹ lòng, mình phải hiểu chỗ đó mà tha thứ cho họ. Tôi sẵn sàng bỏ qua tất cả, nhưng hai người phải hứa với tôi là từ nay sẽ không tìm dịp để gặp lại nhau.

Đĩ nhiên là chúng sẽ hứa, sẽ cam đoan, thề thốt đủ điều.

Rồi nó dắt nàng về. Nó sẽ bỏ qua vài hôm không nói tới chuyện cũ. Nàng sẽ cho là nó hèn hay cao thượng, tùy nàng. Rồi thì « rửa hận ».

Hay hoặc là szu khi rình thấy quả tang, nó sẽ phớt tỉnh, trở về nhà hút thuốc lá nằm chờ. Khi nàng về, nó sẽ nói dối là đường xe hư không đi được, phải chờ sửa chữa vài hôm.

Rồi nó sẽ làm ái tình, nó sẽ lập lại đúng những câu mà hần đã nói với nàng trong gian nhà nhỏ, giữa khu vườn tĩnh mịch.

Hắn nàng sẽ ngạc nhiên.

Bấy giờ thì « rửa hận ».

Nó sẽ cột chũn tay nàng, căng nàng ngửa ra trần truồng trên giường.

— Ừ thì muốn có nhục tình ! Có ngay !
Khỏi phải đi đâu xa.

Nó sẽ ra phố, kiếm vài tên côn đồ cho chúng ăn, chúng uống say túy lúy, xong dắt chúng về đề « thoả mãn » cho nàng. Nó sẽ bắc ghế ngồi kê, chứng kiến.

— À ! Trước khi phải nhét giẻ vào mồm đề nó không cắn lưỡi được, nếu nó còn biết nhục.

Nhớ lại chuyện vừa qua, nó chỉ nghĩ :

— Hắn chết là số hắn, còn nàng chết như vậy là hãy còn tốt phúc.

Nó không may may hối tiếc, ra phố kiếm cái gì ăn sáng về nhà viết thư nhờ bạn trông nom nhà cửa, rồi tới bót nạp mình.

Nó được biết nó đã bắn trúng chỗ nó muốn bắn có mỗi một phát đạn, còn mấy phát kia chỉ phớt qua kẽ mũi. Người ta sẽ cứu sống được nàng, nhưng bộ phận giao cấu và sinh sản không còn dùng được.

Nó sưng rợn người.

Khi nhà đương cuộc mở cửa vào thì thấy tử thi một người đàn ông mặc đồ nằm ngửa trên sàn nhà, tử thi một người đàn bà trần truồng nằm cạnh, kế đó là một khẩu súng 7,35 lòng ngắn, và tử thi một người đàn ông khác trần truồng nằm ngửa trên giường, hai chân chạm đất.

Người ta được biết, người đàn ông chết nằm dưới sàn nhà và người đàn bà chết nằm cạnh là một cặp vợ chồng.

Cuộc điều tra đang tiến hành.

Bồn báo theo dõi, có tin tức gì thêm, xin sẽ thông báo quý bạn đọc rõ ..

Nhà đương cuộc lúc bấy giờ làm việc cầu thả, lấy lệ, đã kết luận :

Khi người chồng nhảy cửa sổ vào bắt được quả tang vợ ngoại tình, người vợ tới ôm khóc năn nỉ, nhưng người chồng đã không tha và giết cả đôi gian phu dâm phụ rồi tự vận.

Nếu bác sĩ đã chịu khó khám nghiệm kỹ càng hơn, nhân viên điều tra chu đáo, tận tâm hơn, người ta sẽ được biết các việc đã xảy ra như sau :

khi hắn xin : « Anh cho tôi mặc quần áo vào ».
Không thấy trả lời cũng không thấy vẻ gì nó phản

đổi, hấn đứng lên, nhẹ nhẹ tới đầu giường lấy chiếc quần đùi, khom xuống, giả vờ xỏ chân vào, chồm mình lao tới.

Nó ngã ngửa xuống sàn nhà. Hấn nằm đè trên, cướp lấy khẩu súng đưa vào ngực nó nồ một phát.

Hấn đứng lên, thấy nó đã chết, buông rơi khẩu súng, kêu

— Trời ơi, sao tôi đã giết anh. Hấn lầy bầy về giường ngồi, chống cùi chỏ lên gối, tay ôm đầu, khóc rung rức, hai vai rung mạnh.

Nàng khóc nức nở, từ trên giường xuống, chạy tới ôm thây chồng, thấy đôi mắt chồng còn mở, nàng vuốt khép lại, rồi gục đầu thồn thức trên ngực chồng.

Một lúc, ngược mặt thấy khẩu súng bên cạnh, nàng cầm lên, run rẩy, bậm môi nhắm vào hấn, bóp cò Hấn ngã vật ra, dẫy dụa, máu loang ướt nệm.

Nàng buông thõng tay súng, lặng yên một lúc lâu, nghĩ ngợi rất nhiều, nhưng nét mặt hết thần vẫn không thay đổi, mắt mở to không chớp như nhìn vào hư không.

Cuối cùng, nàng nhấc tay, quay súng vào ngực mình, bóp cò.

PHẢN ỨNG



Họ bốn người. Một Trung sĩ, ba người lính.

Bốn người chạy bán sống bán chết, té lên té xuống, thở hào hà hào hễn, mồm há hốc, mặt tái xanh. Ba lô đã vứt bỏ từ khi mới có lệnh rút lui, nón vải đi rừng kẻ còn kẻ không.

Trời vẫn lất phất mưa.

Tiếng súng hãy còn thừa thớt nồ.

Họ vẫn chạy, cầm đầu cầm cò chạy. Viên Trung sĩ vấp phải một phiến đá khuất dưới lau, chúi nhủi. Khẩu súng cầm tay văng ra xa. Anh lồm cồm bò dậy,

quần lau kiểm súng. Thấy ba người kia cứ mãi miết chạy, anh vừa tức, vừa sợ, vừa mệt, thở hồng hộc, tay vệt bừa lau sắc, mắt đảo lia, kiểm quanh, kiểm quần. Tìm được khẩu súng, anh lại chạy. Lại té, lại lồm cồm bò dậy chạy. Thỉnh thoảng ngoái cổ nhìn, hót hơ, hót hải

Tới quãng lau thấp, anh khom người xuống mà chạy. Một lúc bắt kịp ba người kia. Họ phóng qua một cái lạch con thì tới rừng.

Tiếng súng đã ngưng nổ.

Mưa đã tạnh và chiều đã xuống tự bao giờ.

Sương rơi lác đác, lá rụng xào xạc trong rừng chiều âm u, và nghe có tiếng một con vượn hú dài.

Trăng đã lên sau đầu lau trên đồi.

Anh cảm thấy âm ẩm trên mặt, mở mắt ra.

Mặt trời đã lên cao ánh sáng lọt qua kẽ lá, dội lên mặt anh và lấm tấm trên lá khô đầy mặt đất.

Nhìn sang bên phải thấy Điền còn ngủ, nằm co, chiếc áo đi mưa trùm đến mũi, tay còn khur khur giữ khẩu súng trường. Nhìn sang bên trái Ban và Thà nằm ngửa người trên áo mưa, nón vải đi rừng úp mặt, ngáy khò khò.

Anh nghiêng người ngồi dậy, lay họ và hỏi :

— Súng ống túi bây có còn không ?

Thà giựt mình nhòm dậy

— Cái gì đó Trung sĩ ?

Anh gắt :

— Cây súng mầy đâu ?

— A, súng hả ! Dạ, ở dưới áo mưa.

Anh nắm ngực Ban, lôi dậy, thì thấy súng Ban dưới lưng.

Ban cầu nhàu :

— Lính tráng mà Trung sĩ ! Em út còn bỏ được, chớ súng ống làm sao mà bỏ được.

Điền cũng đã dậy, hai tay cầm hai hộp lương khô, tới cười nói :

— Em quên hai cái hộp này trong túi quần, hèn chi hôm qua chạy hết quá mà không biết là cái gì. Điền tâm chớ Trung sĩ !

Họ khai một hộp lương khô.

Điền lấy dao găm đào đất, đặt thử cái hộp thiếc không lên trên, cho lá khô vào lỗ, mở bi đông đổ nước vào hộp, xong móc túi lấy bao diêm châm lửa.

Anh đang trệu trạo nhai bánh khô, nghe tiếng diêm quẹt, day nhìn, hỏi :

— Mày làm cái gì đó Điền ?

— Dạ Trung sĩ, em nấu cà phê.

Anh đứng lên, tới đá cái hộp thiếc, nước bắn tung toé, và lấy chân dụi ngọn lửa vừa nhen.

— Mày muốn chết hả? Đốt lửa kêu tội nó tới phải không ?

Điền chạy lượm cái hộp cho vào túi.

Rồi họ qua rừng.

Kẻ trước người sau mà đi, vệt giày leo, nhánh cây, đâm bừa lên gai góc.

Không khí ẩm trong rừng làm bức bối, ngột ngạt. Thình thoảng họ mở bi đông uống ừng ực. Điền quẹt ngang tay áo qua môi, nhăn mặt:

— Rừng gì mà hơn rừng Năm Căn !

Ban vừa bắt vắt trong ống quần ra vừa nói :

— Đỡ à mày ! Đỡ cái không có muối với khối lợi sinh.

Trưa xuống thì họ tới một thửa đất rộng mới cày. Họ tới ngồi sau một bụi rậm, nhìn ra.

Ban lo lắng, nói nhỏ nhỏ :

— Mình đi lạc vô mật khu tụi nó rồi Trung sĩ à !

— Đừng nói bậy mầy !

— Chớ giữa rừng như thế này, ai mà vô đây lập vườn hủ Trung sĩ.

Anh không trả lời, đưa mắt nhìn khắp nương cày. Không thấy một bóng người. Ánh nắng chói chang trên đất mới vỡ đang lên hơi. Nghe có tiếng cu gáy bên kia nương.

Điền khế nói :

— Yên chí rồi Trung sĩ ! Tụi nó ở thì làm gì cu dám gáy.

Anh lại bảo :

— Đừng nói bậy mầy !

Vẫn đưa mắt rảo nhìn, anh tiếp

— Thôi ! Tao ở đây canh, tụi bây đi nằm nghỉ lấy sức, một lát thay tao. Tối mình qua nương.

Thà lưu ý :

— Tối nay có trăng, Trung sĩ !

— Có trăng còn đỡ hơn ban ngày. Mầy định ở đây lập nghiệp hủ ? Đưa cây súng mầy đây cho tao !

Và anh đưa khẩu tiêu liên cho Thà.

Một mình, anh gác súng lên một thân cây đờ, ngồi nhìn ra.

Ánh nắng vẫn gay gắt. Đất vẫn lên hơi. Và bên kia nương thỉnh thoảng có tiếng cu gáy như trong một thuở thanh bình nào.

Thuở xưa, đã lâu lắm rồi, thuở anh còn là một đứa bé con lên sáu tuổi.

Những buổi trưa nắng như hôm nay, thừa lúc Ba Má ngủ, nó len lén leo xuống giường, nhẹ nhẹ mở cửa chạy ra đường, lượm một mớ cọng lá cồng khô, đem ra sau hè ngồi một mình đá gà. Đây con gà cồ, đây con gà tre. Gà cồ thì cho đá với gà cồ, gà tre cho đá với gà tre.

Đá một lúc thấy chán, đứa bé bỏ cả gà, phải bỏ cọng cồng, nhìn ra sông nắng rung rung trên đầu cỏ. Tiếng nhà máy nước đá bên kia vườn vẫn vọng lại đều đều, buồn buồn. Đứa bé ngồi một mình cất tiếng hát nho nhỏ, vắn vơ.

Có những buổi trưa im vắng, nằm trên mà nghe tiếng võng kéo cà, kéo kệt đu đưa, tiếng chị vú ru em :

— À ơi ! Cái ngủ...

Rồi lớn lên, những buổi trưa cũng theo dần mà biến đổi.

Những buổi trưa còn ngái ngủ, lộc cộc xe đạp tới trường, phố xá đang say nắng, uể oải, im lìm.

Những trưa tản cư, xoay trần chóng ghe trên các kinh rạch Cà Mau, xác người sinh thời trôi lênh bênh đầy mặt nước.

Những trưa hành quân trong ruộng lầy, mặt trời nóng bức ở trên và nước sinh tới bụng.

Và những trưa gần đây, mệt mỏi nằm sảy tay, mê say trong giấc ngủ, lấy gân trên làn chân còn ướt sũng mồ hôi, đầu người yếu gối lên cánh tay, má kề áp ngực.

Bây giờ thì ngồi đây, trong một xó rừng mà nhìn ra thửa nương cày chới chang ánh nắng, đất vẫn bốc hơi, mà nghe cu rúc khiến nhớ tới thuở nào...

Ban tới bên, đưa gã chiếc hộp vừa khai, trong còn miếng bánh lát, chút thịt và vài cục đường.

— Bữa cơm cuối cùng đó, Trung sĩ! Em gác thay Trung sĩ đi nghỉ.

Anh cầm lấy hộp, uề oải xách súng đứng lên.

Tới phiên Thà gác thì trời đã xế chiều.

Đang mơ màng, linh tính báo dường như có việc gì, nó mọp nằm sau khẩu súng, nhìn sang bên kia nương, thấy có dạng người đi tới, lơ mờ trong sương chiều. Nó ghim súng nhắm theo. Đầu ruồi đã tới bên hông, nó nâng mũi súng lên, rẽ sang bên phải. Một chút nữa, một chút nữa, một chút xiu nữa thì đầu ruồi tới chắn thủy.

Bỗng nó thấy có chân ai đạp nhanh trên đầu súng. Báng súng bật ngược lên, vụt qua mang tai. Nó điếng người, mắt tròn xoe nhìn từ từ theo gót giày lên ống quần, lên thắt lưng, lên nữa, thì thấy anh.

— Mày đui hả Thà ! Đồng bào thương mày không thấy sao mà nhắm, nhắm cái gì ? Ai cho lệnh mày bắn ?

— Em nhắm chớ em đâu có bắn, Trung sĩ. Trung sĩ làm em hết hồn.

Họ ở buồn Het được một đêm và một ngày.

Trong làng cho ăn uống ngủ nghỉ tứ tế, họ đã lại sức. Anh hỏi thăm xong xuôi đường về hậu cứ Tiểu đoàn, định mai sớm thì lên đường.

Chạng vạng anh tới nằm trên ổ rơm, trùm áo mưa định ngủ.

Thà, Ban, Điền còn ngồi hút « gô-loa » bên bếp lửa, chờ cà phê sôi.

Điền bảo

— Chuyến này về Saigon, chắc em út nhìn không ra. Tụi nó tưởng mình là dân Bà Rá, Bà Đốp gì chứ không phải « Anh Điền của em ».

Xứ sở gì kỳ quá ! Nắng, mưa, mưa nắng tối ngày. Rừng rú núi non không hà ! Đi cả ngày, cả ngày không thấy một bóng người, rau cỏ không có một cọng.

Ban hút một hơi dài, thở phào khói thuốc ra, chửi thề

Đm ! Tiều đoàn ở trong Nam, đụng độ mấy chục trận chưa thua trận nào. Lên đây giao cho Tây nó chỉ huy. Chỉ huy con cê gì mới đụng bắn lớp bốp năm ba tiếng cái hô chạy. Chạy, chạy, chạy, mạnh thẳng nào thẳng nẩy chạy, xúng vúng, xính vính. Thiếu điều muốn tuột quần.

— Đm ! Mai sáng còn một châu lọi rừng nữa. Súng đạn không ăn, cọp nó cũng vồ.

Họ im lặng một lúc

Diễn lại nói với Ban

— Chuyến này về, tao nói với bà già nấu cơm trong ống tre ăn với thịt nướng. Ngon chó hả mày ?

— Ngon chó ! Nhưng rượu của họ ở đây lạ quá. Hôi hèm thấy mẹ ! Lại còn hít bằng lỗ mũi. Tao chịu.

Điều kêu hãnh

— À ! Mày uống chung với mấy thằng cùng đình khổ rách thì làm sao mà ngon được ! Tao với Trung sĩ uống chung hũ với ông Cả ! Ly, chén cần thận. Ngọt lại bùi, hạ rượu để mình mấy dê rô.

Nó lấy khăn tay ra nhắc lon cà phê xuống, đề lên sàn nhà, bỏ đường vô quậy một lúc, cầm chiếc đĩa tre lên nếm thử rồi nói tiếp

— Dân ở đây họ tốt chó hả mày ? Cho ăn nhậu thả cửa.

Ông Cả chắc có học. Ông nói tiếng tây với tao.

Ban bĩu môi :

— Mày nói tiếng tây gì ? Ba rọi hả !

— Ê đừng khi !

Một chập sau, rờ thử thấy lon cà phê bột nóng, Diễn bưng lên húp rò rò xong đặt xuống nói :

Ở đây kẻ cũng khoái. Gái nhìn mãi nhẵn, rượu uống quắc cần câu, điệu cần hút phì phà, cơm ống ăn với thịt gà nướng. Họ không thèm xuống ở thành phố, cũng có lý.

Không ai phụ họa, nó cúi, vỗ mạnh vào đùi Thà đang dựa vào vách, lim dim

— Đm ! mày có uống cà phê không ? Ngồi đó mà mơ với mộng. Con bồ mày ở Saigon nó theo thằng khác rồi !

Thà giựt mình, mở bừng mắt ra, tức giận, nhưng dịu giọng

— Tụi bây lúc nào cũng bao nhiêu đó. Lúc nào cũng gái.

Ba người chuyền tay nhau lon cà phê, húp rò rò, rột rột.

Điền lại nói

— Đàn bà, con gái ở đây tối ngày cứ đề vú nơ nơ. Tao thấy tao chịu không nổi !

Anh nói với lại ?

Tụi bây chưa chịu đi ngủ đề mai sáng còn đi sớm. Còn ngồi đó mà đấu thối hả.

— À, Trung sĩ còn thức, trung sĩ uống cà phê không ?

Anh gắt

Tao kêu tụi bây đi ngủ đề mai sáng còn đi sớm, nghe chưa ?

Họ tới nằm, một lúc đã ngáy pho pho.

Anh vẫn chưa ngủ được. Nằm thao thức mà nghe tiếng gió vi vu lùa mái lá, tiếng cành khô rã rã gãy ngoài rừng, thêm tiếng họ ngáy bên tai, tiếng dăm con dế gáy ra rả dưới sàn nhà, tiếng kêu oang oác của một con chim lạ bay ngang ngoài trời.

Anh trắng lợt qua kẽ vách, xanh xao dọi lên sàn tre bóng loáng.

Anh cảm thấy lạnh.

Anh tưởng tượng một người đàn bà có da có thịt, vận xà rồng và ở trần, đang nằm cạnh, gối đầu lên cánh tay anh.

Anh nghiêng qua. Mùi làn da rấm nắng, gây gây nồng ấm. Anh đề bàn tay phải lên bụng người đàn bà. Mỡ ở bụng dày mềm mềm, êm và ấm. Anh gác chân lên đùi, cọ tới cọ lui chầm chậm, qua làn vải, anh cảm thấy cặp đùi chắc thịt, làn da mịn màng và trơn tru. Anh chúi mũi vào sát mang tai người đàn bà, ấm ở mặt.

Anh từ từ đưa bàn tay phải lên Cặp vú no tròn như hai trái banh cao su đặc, mọc ốc dưới bàn tay anh đang xoa, nắn, và toàn thân người đàn bà uốn ẹo cọ xát, nắn khích vào chút nữa. Anh tuột mạnh xà rồng. Người đàn bà trần truồng, thẹn thùng, nghiêng mình, rúc đầu vào ngực anh. Anh ôm tròn lấy. Cái gì cũng ấm, cái gì cũng êm. Anh say sưa thiếp ngủ.

Quá khuya anh giật mình tỉnh giấc, nghe có tiếng la ó dưới nhà.

Anh thất vọng sùng vào lưng, chạy ra, mở cửa. Thấy trong ánh đuốc lao xao, bập bùng. một đám đông người, và Điền đang vùng vằng, dẩy dựa giữa hai người đàn ông lực lưỡng trong làng đang khoá chặt hai tay nó ra sau lưng.

Anh leo vội xuống cầu thang. Ông Cả tới bên, giận dữ chỉ vào mặt Điền

— Ông này ông mò . . .

Điền la to :

— Ông nói láo, em . . .

Anh quát

— Câm !

Ông Cả tiếp :

— Ông này ông mò con gái tôi.

Anh nóng giận chạy tới xáng mạnh Điền một bạt tai rồi gằn giọng :

— Mày là con người hay con thú vật hả Điền ! Người ta cứu sống mạng mày, cho mày ăn, mày uống, mày lại làm cái chuyện nhục nhã đó hả Điền ? Mày trả ơn người ta như vậy đó hả Điền ?

Anh bồi thêm một bạt tai.

Điền tức tưởi :

— Oan em quá Trung sĩ ! Em ...

Anh tức khí, la to :

— Mày còn chối hả !

Anh móc súng, lờm lờm, Điền thất thanh :

— Oan em quá Trung sĩ ! Em đi tiêu ...

Anh cầm súng trong bàn tay, tát bốp vào má Điền. Nó ngoẻo đầu, bất tỉnh. Máu từ vết thương trên má, và máu từ trong miệng ứa ra, chảy xuống cằm.

— Thằng Ban, thằng Thà đâu. Khiêng nó lên nhà.

Ông Cả bí xị :

— Ông làm cái gì dữ vậy ! Tôi tưởng Ông rầy chút chút thôi !

Điền hồi tỉnh, mở mắt thấy anh đang ngồi bên, nhưng nước khăn chặm vết thương trên má mình, nó quay mặt nhìn chỗ khác

Anh nắm tóc nó, kéo ngửa mặt lên, trừng nó và tiếp tục chặm vết thương.

Một lúc sau, nó tức tưởi, giọng oán trách

— Em nói với Trung sĩ là em vừa bước ra đi tiêu, vừa ngang buồng nó, không biết nó mắc cái chứng gì mà ở trông nó la lên, rồi mấy thằng ở đâu chạy tới chụp em. Mà Trung sĩ không tin em ! Sao Trung sĩ không bắn em đi ?

Anh át giọng :

— Nín mầy !

Có tiếng gà gáy. Ánh sáng rạng đông le lói qua kẽ liếp.

Điền còn đau, họ nán lại buôn Hết thêm một ngày.

Nửa đêm, anh mơ màng nghe có ai đang lay gọi, mở mắt ra thì thấy Điền đang quì gối sát bên, nhìn gã chăm chập.

Anh lửa bếp un đằng góc nhà, chập chờn, mờ mờ soi mặt Điền. Tóc bù xù, lò xo xuống trán, bóng chiếc mũi chạy dài nhọn hoắc xuống cằm, miệng nhăn nhở, răng cái trắng cái đen, và hai con mắt long lanh, hung tợn nhìn anh chằm chập.

Anh tặc áo mưa, lách mình sang một bên nhòm dậy, đưa tay tới bao súng.

Điền ngơ ngác

— Trung sĩ làm cái gì vậy. Em xin phép đi tiểu mà !

Anh gằn giọng, không tin :

— Đi đại thì việc gì mầy kêu tao ?

— Em sợ Trung sĩ lại nói em đi mò.

Điền ra ngoài. Anh nằm xuống, nghĩ tức cười. Một lúc sau, đang thiu thiu ngủ lại nghe Điền lay dậy.

Anh gắt sảng

— Đi đại vô thì đi ngủ. Mầy xin phép tao đi ngủ nữa chắc !

Điền suyt

— Tụi nó ! Trung sĩ !

Anh tặc ngồi dậy.

Điền tiếp

— Em đang tiều thì thấy mấy thằng đang qua nương.

Anh nghi ngờ hỏi vặn

— Tụi nó hay tụi mình ?

— Tụi nó mà Trung sĩ. Em thấy rõ ràng, nín cả tiều.

— Mấy thằng ?

— Bảy, tám thằng. Tiều đội gì đó.

Hai người tới bóp miệng Thà và Ban gọi dậy.

Họ vội vàng nịt đạn và cầm lấy súng. Khi nhẹ nhẹ ra tới cửa, anh đi đầu hé mở thì thấy một tên đang lui cui leo lên thang và lỗ nhổ vài ba tên đứng dưới.

Anh nhắm, bóp cò. Cái thân người ngã huỵch xuống đất. Anh bồi thêm mấy phát. Mấy tên kia lủi chạy núp sau chiếc chòi chứa lúa.

Họ chạy ngược vào nhà, tong vách gần rừng, nhảy đại xuống đất, lủi chạy.

Có tiếng đàn bà, trẻ con kêu khóc.

Có tiếng súng bắn đuổi.

Họ vừa chạy vừa quay súng bắn trả. Tới rừng anh và Thà đứng lại núp sau một gốc cây to, bắn

phủ đuôi cho Điền và Ban. Anh vừa thay xong gấp đạn, thấy dạng sau chòi lúa có người dợm chạy ra. Anh nhắm, nồ một phát rồi cùng Thà quay mình chạy. Gặp Điền và Ban đang núp sau một bụi rậm, ghim súng về hướng anh đang tới. Anh và Thà tiếp tục chạy một quãng nữa mới đứng lại.

Họ luân phiên phủ đuôi cho nhau, tới sáng thì tới một giòng suối cạn.

Họ dừng lại đề định hướng.

Ban hỏi

— Trung sĩ, ngọn núi kia là núi gì Trung sĩ ?

Không nghe trả lời, nó day lại thấy anh đang ngược nhìn về phía buôn Het, mắt đăm đăm, răng cắn chặt, vẻ mặt đau đớn và tức giận. Nó nhìn theo thì thấy có khói to lên quá đầu ngọn cây.

— Tụi nó đốt nhà rồi hả Trung sĩ ?

Anh vẫn đứng im. Nó hăm hăm chửi thề :

— Đm quân dã man.

Thà lắc đầu, giọng đều đều :

— Tụi nó ở đâu thì cũng vậy. Ở đây hay ở trong Nam cũng đốt nhà, cướp của, giết người.

Có tiếng súng vọng lại.

— Nó bắn ông Cả rồi !

Điền sùng sộ :

— Một mình ông Cả mà thôi à !

Một lúc nó lại tiếp :

— Tụi nó có hãm con gái Ông chớ không không !

Anh đưa tay áo lên quệt ngang mồ hôi lấm tấm trên trán. Nước mắt cố nén nhưng không được, trào ra đọng ở bờ mi. Anh cúi đầu bảo :

— Thôi, mình đi !

Qua suối, Ban vẫn tức tối

— Đem cái quân tàn nhẫn ! Họ có đánh chác gì với nó mà nó nỡ đốt nhà, giết người ta. Mấy lần trước em định mồi bưng mấy thằng mà Trung sĩ không cho. Bắn tụi nó uổng đạn.

Anh im lặng, lầm lũi đi.

Phanh dây, móc mắt, chặt đầu, đốt nhà, phá đình, hãm hiếp... anh đã thường nghe nói và cũng đã thường chứng kiến. Lâu dần quen đi.

Những cảnh chết chóc, thân tan, máu toé, những tiếng khò khè rên rỉ hay hãi hùng rú thét, những gương mặt mà tột cùng của đau đớn đã biến hình của những người trúng đạn, bị đâm, bị hiếp, hấp hối nằm trong vũng sinh, dưới gốc chuối, ở ven sông hay gục ngã trên bờ mầu, trong ruộng cà, mồm trào máu, tóc rối tung, hai tay nắm chặt và những cặp mắt trợn tròn, chứa chan uất hận... Những cảnh đó không còn kích động anh, không còn làm anh kinh tởm lẫn đau thương nhiều như những lần đầu xuất trận.

Anh đã nghĩ rằng chiến tranh là dịp để thú tính của những con người thiếu đức dục được tự do bộc lộ, giết người mà không lo tù tội, đốt nhà, cướp của mà pháp luật bó tay. Đó là một định luật của chiến tranh.

Và trong tâm hồn đơn giản của anh thì đã là luật lệ, người ta mặc nhiên phải tôn trọng, phục tùng.

Còn chết, thì một phát đạn hay một mũi dao, một nụ cười thoải mái nở trên môi hay nỗi uất hận loè trong ánh mắt, cũng chỉ là chết mà thôi.

Anh đã không có can đảm nghĩ sâu thêm vào chi tiết, anh cố bám lấy những ý nghĩ phiến diện đó để trấn an tâm hồn mình, để biện giải cho sự

gần như là đứng đưng của mình trước những cảnh tàn phá, chết chóc, để không oán thù kẻ giết và cũng để không phải xót thương nhiều cho người bị giết.

Nhưng sao lần này, chỉ một đám khói đùn lên ngọn cây, vài tiếng súng lẻ tẻ từ xa vọng lại, khiến anh phải cắn chặt răng và thấy nhói đau trong lòng ngực.

Anh không muốn nghĩ tới, nhưng hình ảnh ông Cả và những người dân làng chết phác bị đâm, bị bắn cứ lớn vồn trước mắt anh.

Những người dân làng chết phác, vô tội, ngồi chồm hồm, chồm nhum trong sân làng. Họ ngồi im lặng ngơ ngác lẫn kinh hoàng, nép vào nhau, mắt như những con thỏ, con nai lúc lửa cháy, loạn rừng.

Rồi hai, ba thằng giặc bước ra, mắt long sòng sọc, đưa cao lưỡi lê lên, chúc thẳng xuống. Một lần, hai lần, ba lần, bốn lần, có lẽ là năm lần, sáu lần, bảy lần, hàng chục lần đến khi máu chảy thành giòng trên mặt đất, những tiếng rên rỉ cuối cùng tắt liệm, những người dân làng chết phác ngã ra chết hằn mà đã không một cử chỉ còn con chống cự.

Không đến một cử chỉ còn con chống cự !

Không đến một cử chỉ còn con chống cự !

Ban nắm tay anh đứng lại.

— Em trở lại giết chúng nó ạ, Trung sĩ !

Anh vẫy mạnh tay Ban ra nạt :

— Thôi mầy ! Anh không biết mình tức với Ban hay với chính mình.

Đã quá trưa mà họ vẫn còn loanh quanh trong rừng.

Điền lo lắng :

— Theo lời ông Cả thì đáng lẽ mình đã ra khỏi rừng. Sao rừng là rừng không vầy, Trung sĩ !

Ban bảo :

— Mầy lộn rừng bằng ông hả ! Ông nói quá trưa, chớ lộn bộ cái điệu mầy cầu tới tối.

Chiều hôm sau, họ cũng chưa ra khỏi rừng. Suốt ngày hôm qua, ăn măng tre rừng, rau đắng trừ cơm, họ đã mệt mỏi, phờ phạc.

— Mình lạc thiệt rồi Trung sĩ !

Anh không trả lời, tôi dựa lưng vào một gốc cây, uể oải bảo :

— Thằng Điền, mày leo lên cây coi tới đâu rồi !

Điền giao súng cho Ban, leo lên một cây cao, che mắt nhìn tứ phía. Một lúc nó chú mục, thấy thị trấn thấp thoáng về phía đông nam, lơ mờ dưới lớp sương khô là đà.

Nó tuột xuống, mừng rỡ, vừa nói vừa chỉ

— Phía này, Trung sĩ ! Tới rồi ! Em thấy con sông mình đã đi qua một bận.

Anh gắt :

— Tới ! Tới là còn bao xa ?

Rồi họ ra tới bờ sông, còn cách thị trấn nơi hậu cứ Tiểu Đoàn đồn trú non cây số ngàn.

Buổi chiều miền núi, mùa này, thật quạnh quẽ.

Hai bờ sông cát vàng hoang vắng. Nước chảy róc rách trong lòng sông nhiều đá tảng, và cây rừng rũ liệt, đứng im.

Anh bảo :

— Tụi bây rửa mặt, rửa mày sạch sẽ. Quần áo đang hoang. Đề lòi thôi, lết thết về Tây nó cười !

— Cười cái gì, Trung sĩ. Nó hô chạy, mình không cười nó thì thôi, sao nó lại dám cười mình !

Tuy nói vậy, Ban cũng cúi xuống cột lại giày, xốc lại áo, xuống sông rửa mặt.

— Cha ! tối nay nói dóc mới dữ đa !

Điền phụ họa :

Nghe tụi mình ăn cơm nếp thịt gà, hít rượu cần tối ngủ có các nường đấm lưng, đấm căng, mấy thằng mới thêm nghe !

Họ cười nói, nghĩ tới nồi cơm nóng bốc hơi ăn với thịt heo kho mặn, tới chiếc ghế bố bông màn êm ấm, tới vẻ mặt sững sờ của mấy thằng bạn khi nghe họ phóng đại những chuyện trong thời gian ghé lại ở buôn Het.

— Mày cũng đừng quên kể chuyện tụi nó đốt nhà, bắn Ông cả.

Điền tiếp :

— Và hiếp con gái Ông.

Khi họ theo các tảng đá trong lòng sông, lên tới bãi cát bên kia thì nghe hô to :

— Đứng lại !

Họ còn ngờ ngác, chưa biết bạn hay thù thì thấy ba tên địch sau một khóm lau bước ra. Tên đi đầu ghìm tiểu liên ngang bụng, hô :

— Buông súng ! Đưa tay lên !

Họ cùng nâng súng lên, ấn cò. Cũng là khi họng tiểu liên khạc đạn ria ngang.

NGƯỜI ĐÓ, TA ĐÂY



NHỮNG thứ đó, âm thanh, màu sắc, chuyển động, hiển hiện xô bồ, hỗn độn trong tâm khảm anh như một thứ puzzle mà anh phải sắp xếp lại thứ tự trước sau để nhận xác nó là cái gì. Cái gì đó đã làm anh chán chường, chua xót và hãnh diện.

Lửa ngùn ngụt, hai người con gái áo màu thẫm, tiếng còi hụ, nước mắt, mồ hôi, máu, sắt thép chạm nhau, tiếng nổ rung chuyển cỏ cây, nhà cửa, tiếng người kêu, mưa, màu xám của mây, màu đỏ

của ngọn đèn xe cấp cứu quay vòng phút như nhanh hơn thường lệ, khói đen từng bùng nổi từng bùng bốc lên trời cao, lửa xẹt như sao vỡ trên sân vĩ sắt, tiếng hô nghiêm, nghỉ, lạc giọng vì nước mắt, những gương mặt trầm lặng đau buồn; những gương mặt bình tĩnh khắc chế nội tâm xúc động mãnh liệt, khắc chế nỗi bàng hoàng sợ hãi để lăn thân vào lửa đạn, một hàng đèn sáp cái tắt cái còn, ngọn chao trong gió khẽ lùa, một cái im lặng trong đó nghe như có tiếng nhạc đưa hồn thanh thoát từ trên cao vọng xuống, tiếng hàn xì, màu vàng và đỏ của lá quốc kỳ...

Ngày Hy chết, trời Cao nguyên đang nắng bỗng đổ mưa. Mưa hạt nhỏ rút, bay bay. Thoáng cái đã thấy mây kéo xuống thấp phủ lấp những ngọn đồi vây quanh phi trường. Trời như liền với đất một màu tro.

Xác Hy cháy đen, bọc trong một chiếc mền nhà binh màu xám, để nằm trên băng ca trên một cái bàn gỗ đặt trong nhà chứa tàu bay. Hai Sĩ quan đứng hai bên canh xác. Anh đứng đằng

trước, nhìn vào xác, ở thể nghiêm, nét mặt lạnh lùng.

Tiếng tàu bay nhanh, nặng, siết dài trên vỉ sắt, tiếng xe chạy, tiếng còi hụ, tiếng người la, tiếng động cơ của hàng chục chiếc tàu bay di chuyển rời sân đậu, tiếng hàng ngàn viên đạn đại bác nổ; những tiếng động long trời lở đất vừa mới đây mà như đã thuộc vào một quá vãng xa xôi nào.

Bây giờ mấy trăm con người đứng đó, im lặng, cúi đầu. Chỉ có tiếng khóc thút thít của hai người con gái. Một chút khói còn lơ lửng vương ở chỗ tàu bay bị nạn trên sân đậu, ngay trước nhà chứa tàu bay.

Mưa vẫn rơi nhẹ trên phi trường, trên đồi núi vây quanh, trên sân đậu, trên những mảnh vụn tàu bay, trên hàng chục quả bom còn nằm bừa bãi và không biết sẽ nổ lúc nào. Mưa vẫn rơi nhẹ. Trời đất một màu tro.

Tàu bay Hy vừa cất cánh bỗng lạng sang bên trái máng đứt dây chằng trụ đo gió cạnh phi đạo,

chúi mũi cày siết một lần dài trên vĩ sắt, húc một tàu bay khác đang nằm trên sân đậu.

Đội cứu cấp và cứu hỏa cũng vừa tới nơi.

Bom xăng đặc, bom miềng văng vung vãi. Một quả bom trung hạng phát nổ ở cuối sân đậu. Sức ép làm kính cửa cách đẩy hàng ngàn thước vỡ loảng xoảng. Miềng bom xé gió, phát đứt tiện mấy cọc sắt rào kềm gai, chọc phủng vách kho vũ khí phi đạo, trên hai mươi quả bom xăng đặc ùn ùn phát cháy, khói đen che một khoảng trời.

Hy còn sống, kẹt trong tàu bay.

Xăng phừng phừng bốc cháy. Hơn ngàn viên đạn đại bác trong cánh tàu bay phát nổ dữ dội. Ba người lính cứu hỏa ôm vôi nằm sát đất trườn vào. Trong khi đó, lửa còn đang cháy ngùn ngụt, đạn đại bác còn đang nổ văng tứ tung và hàng chục quả bom còn nằm lỏng chổng trên khắp sân đậu, những hoa tiêu hiện diện không ai bảo ai cùng chạy ra leo vôi lên các tàu bay mở máy di chuyển rời sân đậu, các cơ khí viên áp đầy tay những tàu bay còn lại.

Tất cả phương tiện cứu hỏa đều được tận dụng. Ba người lính cứu hỏa ôm vôi nằm sát đất vẫn trườn vào. Cũng không cứu được Hy.

Người con gái áo màu nâu tối, nước mắt ràn rụa đòi được xem mặt Hy lần cuối. Anh không cho, bảo cứ để nguyên xác Hy gói trong mền đặt vào quan tài.

Trong tiếng hàn nấp kềm, xì xì, đều đều đơn điệu, trong khoảng thời gian ngắn ngủi người ta liệm xác Hy, anh đứng đó, lặng yên, mà đã nghĩ đến rất nhiều chuyện, miên man, hết chuyện này đến chuyện nọ.

Tuổi trẻ, tình yêu. Những hai người con gái. Chỉ ở cái tỉnh nhỏ này. Sao mà nhiều thế ! Sao mà ít thế ! Người con gái váy chet màu xanh đáy biển viết một bức thư, khóc sụt sướt đến đặt trên ngực Hy, bên trái, bên có trái tim, trước khi người ta đập nắp kềm.

Anh bỗng thấy mất mát một cái gì đẹp lắm trong đời anh. Tuy anh chưa già mà đã mất đi tuổi trẻ. Lắm khi lắm cảm mà tình khiết, nên thơ, tuổi trẻ thiên thần trắng sao, hoa bướm. Nhưng anh lại tự hỏi Cô bé đã viết những gì trong thư, lá thư cuối cùng cho Hy ? Có thể là Tuy mặt xa mà lòng không cách. Hồn em lúc nào cũng ở bên anh ». Cũng có thể là « Chờ em bên kia ». Mà cũng có thể là : « good bye » hay « adios ».

Hay chẳng gì cả, viết giăng viết cuội năm ba chữ cốt để làm một cử chỉ đẹp trước những người còn sống đứng quanh.

Tại sao lại khóc ? Tại sao không cười ? Không vui ? Người yêu của mình đã chết, một cái chết hào hùng, một cái chết oai dũng, cái chết để đền nợ núi sông, cái chết vì quốc gia, vì dân tộc, cái chết mà những người gọi là con trai thế hệ hăng ước ao, mong muốn !

Khóc nhiều, thương nhiều, mai kia lại nằm trong vòng tay kẻ khác. Rồi kẻ đó lại bị xe chệt phòi ruột, phòi phèo hay bị chó cắn chết đi. Lại khóc, lại thương.

Anh vẫn quan niệm đàn bà chỉ là một món đồ phụ tùng cho cuộc sống. Có cũng được mà không có cũng được. Có thì tăng thêm phần thắm mỹ cho cuộc sống. Nhưng lắm khi có mà tróc nước xi hay méo mó, bẹp, thủng, lỏng bù long, sút ốc, chỉ càng chứng tỏ cái nghèo nàn, cái già nua của cuộc sống người mang nó.



Người con gái váy chẹt theo tàu bay đưa Hy đến nơi an nghỉ cuối cùng. Người con gái áo màu nâu tối ở lại. Khi cánh cửa tàu bay đóng lại, nàng gục vào hai bàn tay khóc nức nở. Thương chăng ? Thương cho Hy. Thương cho mình. Hay khóc vì ghen tức ? Hay thương ghen lẫn lộn ? Anh bỗng nghĩ đến điều nhận xét của một triết gia nào đó : Trong tình yêu, bóc đi lòng tự ái, tình yêu không còn được bao nhiêu.

Lúc xác Hy được khâm liệm xong, lá quốc kỳ phủ lên quan tài, anh hô nghiêm đề tất cả chào Hy lần cuối. Anh đã khóc. Anh cố kìm nhưng mắt cứ cay, nước mắt cứ chảy giòng giòng. Anh không sợ mọi người sẽ cho là anh chỉ huy mà còn ủy mị, yếu đuối. Mà anh sợ người ta sẽ cho là anh ra cái điều tiếc thương thuộc cấp, thương vờ khóc vệt để tăng uy tín cá nhân. Anh vừa tức tối với chính mình, mình không làm chủ được xúc cảm của chính mình, mà anh cũng vừa sung sướng, thấy mình vẫn còn biết khóc, còn biết rung động chân thành vì nó phát xuất từ đáy sâu của tâm hồn không bị chi phối của lý trí.

Anh lại nghĩ giá bây giờ anh chết đi. Hay không chết mà được vào nằm trong sáu tấm ván có phủ lá quốc kỳ. Chắc là vui lắm !

Nào kèn, nào trống, nào lễ nghi rầm rộ, tràng hoa, ai điếu, nào quan bé, quan nhớn đến đứng trước quan tài trang nghiêm mặc niệm, hay đi bộ cúi đầu theo sau linh cữu anh, mà trong bụng chửi thầm : Đm nó ! Nhè lựa giờ phút này mà chết, làm mất hết mấy tầy mặt chược, mất mẹ nó cả buổi hẹn với em. Chết dấm, chết dúi, chết mẹ nó trong rừng, trong núi, mất tằm mất tích đi có hơn không ? Đỡ đưa với đón.

Rồi khi hạ huyết, sẽ có bao nhiêu người con gái, nép sau các gốc cây trong nghĩa trang lấy khăn tay lau nước mắt. Nhưng đúng khi đó mà anh tặc áo quan ngồi dậy, các cô lại chạy vào cào anh, cẩu anh, cắn anh, tát tai anh, xía xói sỉ vả anh cái quân lường gạt ái tình, đồ đều, thế mà dám bảo chỉ có một mình em.

Chỉ có một mình em thật ! Chỉ có một mình em, anh chỉ yêu có một mình em, nhưng trong giờ phút nào đó. Yêu hết mình. Yêu tận lực. Như chưa bao giờ biết và được yêu. Trong giờ phút nào đó.

Khi người ta động quan Hy, anh lại đã khóc. Thương cho Hy. Cho những người thân yêu Hy còn sống. Thương cho anh. Hy đã chết. Rồi anh sẽ chết.

Cái thói quen phân tách, lý luận, của mười mấy năm quân ngũ khiến anh tự đặt cho mình những câu hỏi. Nhưng tại sao chết? Khi nào chết? Chết ở đâu? Chết thế nào? Chết cho ai? Chết để làm gì?

Mấy năm nay, anh vẫn thường nghĩ Ngày mai, ngày kia, tới phiên anh sẽ rút tàu bay. Trước sau gì rồi cũng chết, thà chọn lấy cái chết đó, vừa thơ mộng, vừa trầm hùng, như hoa đào trước gió, lá rụng mùa thu, gió sương ấp ủ thì hài, còn hơn là chết chui, chết rúc ở xó giường. Anh sẽ chết khi đang xé không gian chúi xuống, tay nắm ga xăng, tay trên cò đại bác, mắt nhìn mục tiêu qua máy nhắm, một viên đạn xuyên lồng ngực.

Anh chết ở chiến trường, chết để đền nợ núi sông. Chết để những người thân yêu anh, để đồng bào anh được sống tự do. Chết vì Dân tộc, vì Tổ quốc.

Tồ quốc, ngày còn đi học, anh đã học rằng; không phải chỉ là một hình thể địa dư có núi, có sông, có đồng, có rừng. Mà còn là bao nhiêu thể hệ đã buồn vui sướng khổ, đã sống, đã chết trên đó, là mồ mả cha ông, là lũy tre, bờ dâu, tiếng ru à ời của mẹ hiền ngày thơ ấu, tiếng chày giã gạo đêm trăng, là tinh thần bất khuất, là óc hài hước tế nhị, là tâm hồn thi sĩ, là tính hay cảm nhảm, là máu mê cờ bạc của dân tộc anh, là buồn vui vinh nhục của mấy ngàn năm lịch sử, là ngôn ngữ, là thi ca, là âm nhạc, là... nhiều lắm, kể sao cho xiết. Là những cái gì rất cụ thể cộng với những cái gì hết sức trừu tượng, hình thái dị biệt mà quyền lấy nhau, phồ vào nhau thành nhất thể, bàng bạc khắp cùng, trong mỗi sự, trong mỗi vật, không trong ý hoặc tiềm thức cũng trong vô thức.

Mỗi người yêu Tồ quốc mỗi khác, tùy truyền thống, tùy cảnh ngộ, trong đó người ta trưởng thành. Người thì yêu đất tồ quê cha qua hình ảnh những người cày sâu cuốc bẫm, trong đồng dưới lầy, trên nắng cháy, người thì qua hình ảnh những người đi biển, nhấp nhô sóng nước, lênh đèn thuyền con biển cả, người thì yêu qua câu ca vọng cổ, người qua giọng hò mái nhì, người qua hình ảnh núi rộng sông dài, qua nhịp cầu tre ngang con lạch

nhỏ. Tồ quốc thiên hình vạn trạng. Cũng có thể là sông nước Bạch Đằng, là gò nổng Đống Đa, cũng có thể là bát cơm nóng, đĩa rau lang luộc, tộ mẳm chưng ăn trong những buổi sáng sương mù trời gió bắc, mà cũng có thể là chiếc áo dài tha thướt, là chiếc xì líp vớng may tay.

Anh yêu Tồ quốc anh chính vì anh yêu anh, vì anh yêu những người thân yêu anh, và những người đã chết để đất nước anh còn đến bây giờ. Anh sẽ chết để bảo tồn, để phát triển những thứ đó : thiên vạn hình trạng sắc thái của Tồ quốc, cái xấu thì loại đi, cái tốt vun quén.

Mười mấy năm nay anh đi chiến đấu.

Tuổi trẻ hăng say, dễ tin, bông bột, nhiều lý tưởng, anh đi giết giặc, không sợ hãi và không thù hằn, lúc nào cũng thanh thản trong kiếp sống trước cái chết, vì nghĩ rằng mình đi làm bốn phận công dân, đi làm bốn phận thiêng liêng của một người. Một người có Tồ quốc lâm nguy. Mãi đến mấy năm sau này, anh mới thấy tuổi trẻ

anh, xương máu anh cũng như tuổi trẻ và xương máu của một số chiến hữu anh đã bị một số người lợi dụng và phản bội.

Mấy năm lũng địch, lặn lội trong rừng sâu hay đồng lầy nước độc, ngày nắng đốt, đêm ngủ giữa trời sương, ăn củ chuối, uống nước sông ngày này qua tháng nọ, trùng rét hằng triệu triệu bây giờ vẫn còn rút trong máu anh gặm nhấm và chờ dịp là chỗi dậy hoành hành, dày vò cơ thể anh. Rồi mấy năm nay, mấy lần chết hụt, mấy mươi lần đứng tim, toát mồ hôi lạnh vì máy chạy không đều, vì gió giạt mây mù, vì tàu bay trúng đạn địch, tánh mạng treo mong manh ở mấy chiếc bugi, ở mấy cây kim nhỏ vô tri, ở đầu sương cánh gió vô tình.

Mười mấy năm trận mạc, sống đó, chết đó, bạn anh lắm thằng không có lấy nổi một mái nhà nhỏ để « che mưa đỡ nắng cho cuộc tình của đôi ta », vợ con hết gọi nhà thằng này tới gọi nhà thằng khác, lâu lâu nghỉ phép về thăm phải gọi con cho vợ bạn, anh chị dắt díu nhau ra ở ô ten như gái trai lén lút, đang « yêu » nhau phải ngưng đề xuất trình giá thú. Có thằng ông thân nằm xuống, phải chạy đôn chạy đáo mấy ngàn đồng

bạc để lo ma chay cho ông cụ. Cấp chỉ huy đã vậy thì còn nói chi đến cái thứ « lính quèn ».

Anh nghĩ đến câu của Anton Tchékov đọc ngày còn đi học, đại ý « Trong khi các người ăn sung, mặc sướng, nằm trong chăn êm nệm ấm, chúng tôi đi trong cuồng phong, trong giông bão, trong bùn sinh, trong tuyết sương, trong tăm tối. Chúng tôi đói, khát, rét. Chúng tôi đi, đi, đi... mang trên vai gánh nặng cuộc đời, cuộc đời của chúng tôi và cuộc đời của các người ».

Tuy một khung trời khác, một hoàn cảnh khác, một tâm niệm khác, nhưng bây giờ nghĩ lại câu đó, anh càng thấy xót xa, thấm thía. Trong khi các người no cơm, ấm cật, rừng mỡ ở hậu phương, vô trách nhiệm, đấu cho sướng mồm. Thứ bất tài, thiếu học, không biết làm gì để mà sống mới phải đi lính, đem mạng sống đổi lấy cơm ngày hái buổi, sinh nghề tử nghiệp, có khổ, có chết, đừng kêu. Hay : Mọi người sinh ra đều bình đẳng. Trời cho mỗi thằng hai bàn tay, một lỗ miệng, cũng thời đi lính, không biết xoay xở, đấu hót để phải ra tiền tuyến, phải đi đồn lẻ, nằm rừng ngủ bụi, cũng thời đi lính, bao nhiêu thằng ăn nên làm ra, cơ man của nôi của chìm, còn các chú có phải giật gấu vá vai, hai

mười tây đã phải mượn lương tháng tới, là tại các chú chó tại ai, các chú kém tài, đàn, thì không tự trách lấy mình còn trách ai, còn kêu khóc nỗi gì ; trong khi các người yên thân thỏa mãn trút bớt sinh lực thừa trong ánh đèn mờ ảo, trong âm nhạc, hay trong những hành động hoặc cố ý hoặc vô tình nổi giáo cho giặc, chúng tôi đi trong bùn sinh, trong chướng khí, đói khát làm tiêu mòn sinh lực, chúng tôi còn đi trong mưa đạn, trong rừng lữôi lê, còn đó, mắt đó không biết lúc nào.

Chúng tôi không trách, không oán các người. Vì hiểu rằng phải có cái này, cái nọ, người vầy kẻ khác mới làm nên cuộc đời. Nếu ai cũng như ai thì cuộc đời này là thiên đường. Mà cũng là địa ngục. Ai cũng như ai thì cuộc đời đáng chán là bao nhiêu, vì chừng, hạnh phúc và đau khổ chỉ là một sự so sánh. Mỗi người một gương mặt một giọng nói, một chỉ tay khác nhau, thì ai cũng như ai chỉ là điều không tưởng.

Và trách các người sao được, khi các người có sống đâu những giờ phút mà chúng tôi đã sống. Tưởng tượng các người có phong phú đến đâu cũng không làm sao hình dung được chân xác, và ngòi bút nào điều luyện đến đâu cũng không thể nào diễn tả được trung thực hình ảnh

và tâm cảm khi bạn đồng đội mình trút hơi thở cuối cùng trong tay mình, lúc trận chiến còn đang nghiêng ngửa, hay hình ảnh những người lính trẻ ngã gục mà tay còn ấn trên cò súng, răng còn cắn chặt, nước mắt còn chưa khô, hay hình ảnh những hoa tiêu đã chết thiêu trên ghế lái mà bàn tay còn nắm chặt lấy ga xăng như bầu vịu lấy cuộc đời.

Trách sao được các người, khi cái số chúng tôi nó vậy.

Chỉ dám mong các người hiểu cho rằng Chúng tôi đi, mang trên vai gánh nặng cuộc đời. Không chỉ cuộc đời chúng tôi, mà còn cuộc đời của các người.

Các người hiểu cho như vậy thì tốt. Chúng tôi đi chiến đấu thanh thản hơn, dốc hết lòng hết sức ra giết giặc, vì chắc rằng không có ai là kẻ đâm sau lưng.

Các người có không hiểu ! Chúng tôi cũng vẫn phải đi. Vì chúng tôi mang trên vai không những gánh nặng cuộc đời của các người, mà còn cuộc đời của chính chúng tôi, mang trên vai còn mấy ngàn năm lịch sử, gia sản tinh thần của bao nhiêu thế hệ đã sống, đã tranh đấu, đã

chết trên đất nước này, và còn cả tương lai của những thế hệ mai sau, con cháu chúng tôi, con cháu các người, những trẻ thơ vô tội.

Trước sau chúng tôi vẫn cứ phải đi.

Ngoài phi đạo, trong ngày mưa sắp ngả màu chiều, một phi tuần đã mang đầy bom đạn, rú ga, cắt cánh. Trước khi ra vùng hành quân, lượn một vòng, bay hợp đoàn thật thấp ngang trên nhà chứa tàu bay nơi còn quàng xác Hy. Tiếng động cơ như sấm động trên đầu gián đoạn cảm nghĩ anh. Và phản ứng tự nhiên, anh định bụng sẽ phải khiển phạt các hoa tiêu này đã vi phạm an ninh phi hành. Nhưng cũng liền khi đó anh nghĩ làm sao trách phạt được, khi họ già biết một người bạn, một chiến hữu đã từng gian lao, sống chết có nhau. Và biết đâu lại chẳng là một chuyến bay không có trở về.

Tàu bay đưa xác Hy đã cắt cánh trong chiều mưa vẫn rơi.

Thân thể mới như, anh về phòng nằm thiếp đi một lúc lâu, giật mình tỉnh giấc, tự nhiên nhớ đến điều nhận xét của một triết gia nào đó
 « Giông tố là cơ hội cho cặn cẩu dưới đáy được nổi lên trên lẫn lộn với nước trong

Anh đã chiến đấu. Anh tiếp tục chiến đấu để thanh bình sớm trở lại, để cặn cẩu sớm lại chìm xuống đáy. Và ngày mai, trong buổi chào cờ, anh sẽ nói với đơn vị anh rằng :

Các anh em,

Tôi rất sung sướng và hãnh diện được chỉ huy các anh em.

Tai nạn hôm qua đã làm thiệt mạng anh Hy. Đó là việc đau buồn, là cái tang chung cho toàn thể chúng ta, nhưng đó cũng là dịp, một lần nữa, chúng tỏ hùng hồn tình đồng đội keo sơn, tình chiến hữu đậm đà thấm thiết trong đơn vị ta nói riêng, trong Quân đội ta nói chung.

Tuy anh Hy không cứu được, tuy một số vật cụ bị hư hỏng, nhưng các điều đó không làm giảm sút

chút nào cái cao đẹp của những hành động quên mình cứu bạn của các anh trong đội Cứu cấp và Cứu hỏa, xem thường nguy hiểm đến bản thân để tháo ngòi bom, gỡ đạn đại bác của các anh trong đoàn vũ khí, để bảo tồn quân và không cụ của tất cả anh em.

Đất nước ta, trên hai mươi năm đánh nhau, loạn, sâu bọ đã có làm người, tôn ti trật tự, cương thường đạo lý đã đảo điên, lòng người tưởng đã ly tán, hy sinh chỉ tưởng đã là danh từ suông ; nhưng hành động, cách xử sự của anh em hôm qua càng làm cho tôi thêm nhiệt thành tin tưởng rằng : những đức tính cao quý truyền thống của dân tộc vẫn tiềm tàng trong mỗi người chúng ta, và có cơ hội là biểu hiện.

Một quân đội gồm những người lính như vậy, biết và dám hy sinh, yêu thương đồng đội như chính mình, đoàn kết trong gian nguy, không thể là một quân đội không bách thắng.

Trước khi dứt lời, tôi xin thay mặt toàn thể anh em đề nói với anh Hy và với các chiến hữu trong mọi quân, binh chủng bạn đã ngã xuống trên khắp các chiến trường :

— Chúng ta cùng chiến đấu chung cho một lý tưởng, bảo vệ đất nước, bảo vệ tự do. Chúng ta đã

liên đời trong kiếp sống, trong cái chết. Các anh đã đem máu xương trả nợ núi sông. Chúng tôi sẽ không phụ các anh. Chúng tôi sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng.

Hôm nay dưới lá quốc kỳ, chúng tôi xin thề.

CÁI NHÀ



ANH tính thấy thế nào mình cũng được một miếng đất, và được mượn hai phần ba tiền để xây một cái nhà.

Mười bốn năm đi lính, hai năm ở bộ binh tính ra thành mười điểm, mười hai năm trong Không Quân một trăm hai, là xã viên sáng lập Hợp tác xã Kiến ốc anh được thêm mười điểm, về huy chương anh được điểm tối đa là hai mươi, cộng hai đứa con hai mươi điểm, tổng cộng là một trăm tám. Anh sẽ được xếp vào hạng

chín mươi, chín mươi lăm gì đó trong tổng số xã viên, mà một trăm người đầu theo điều lệ của Hợp tác xã thì đợt một, mỗi người sẽ được cấp một miếng đất và được mượn hai phần ba tiền để xây nhà.

Còn lại một phần ba, tuy số tiền không là bao, nhưng đào đâu ra !

Từ bé đến giờ, anh chưa hề khi nào thấy cần đến phải chạy tiền, chưa hề khi nào biết khổ vì tiền. Có nhiều thì tiêu nhiều, chiều chiều đưa em đi cơm tàu, cơm tây, xong còn đưa nhau đi lả lướt theo mấy đường nhạc sống. Có ít thì tiêu ít, cơm gà phở tái, xong dìu nhau vào xi-nê thường trực. Còn không tiền thì cơm câu lạc bộ, cà phê, thuốc lá biên « bong » cuối tháng trả, đêm về nằm khoèo một mình đọc sách hay đưa em về đề em gối đầu lên chỗ trống bờ vai mà tâm sự vụn đôi điều, mà triết lý vặt về tình yêu, rồi thực hành tình yêu, mệt ngủ, giấc ngủ của con người... tiêu sái, thung dung.

Rồi sinh con, kể lấy vợ.

Quân đội cấp cho hai phòng. Một phòng vừa phòng khách, vừa phòng ăn, vừa ngăn một phần

làm bếp. Một phòng ngủ vừa vợ, vừa chồng vừa con trẻ. Nàng và hai con một giường, chàng ghế bố, con sen nằm đất ngoài phòng ăn.

Ngày nắng thì mùi bếp núc, mùi mồ hôi, mùi nước tiểu trẻ con, hâm hấp, ngọt ngọt. Đêm mưa thì mái dột, nước chảy tong tong xuống thau hứng nghe như « giọt sầu rơi rụng suốt năm canh ». Điện khi mờ khi tỏ, khi tắt khi sáng. Nước thì ra xe xi tẹt xách từng thùng.

Thế đã chết ai chưa ? !

Tuy từ nay vĩnh biệt cao lầu, vĩnh biệt « con ve sầu », nhưng cơm cũng đủ ngày hai bữa, dù không cao lương mỹ vị, nhưng những món quốc túy, khoái khẩu, dễ tiêu, hấp với con tỳ con vị của người Việt Nam ta, và theo y học lại là những món có rất nhiều sinh tố, chất bổ dưỡng vô song, những món đó, khi xào, khi luộc lấy nước, khi chẻ làm rau, thì không thiếu bữa nào.

Về giải trí thì còn gì tao nhả bằng đọc sách. Có gì thú hơn vợ chồng cùng nằm gối đầu lên cánh tay nhau, hai người đọc chung một quyển, chồng cầm vợ lật. Có gì vui hơn đi làm về đùa với con, hay ra xách tiếp vợ, tiếp con sen vài

thùng nước, gọi là có vận động cho nó thêm ngon cơm.

Cảnh nào cũng vui. Miễn người ta biết... khám phá ra nguồn vui. Có tiền thì vui theo kiểu có tiền, không tiền thì vui với cái viễn tượng là mình sẽ thành một triết gia.

Nhưng những đêm tản cư con trẻ ra phòng ngoài ngủ với con sen, nằm trong vòng tay anh, vợ thường thủ thỉ. Mình thì sao cũng được miễn anh vẫn yêu em, đừng có vợ lẽ, vợ mọn. Theo anh thì chân trời góc biển em cũng đi, chòi tranh vách đất em cũng vui, cơm hầm muối vừng em cũng ngon, nhưng còn con mình phải lo cho chúng. Anh thì một năm đòi lui đòi tới hai ba lần, anh ráng kiếm cái nhà, cái cửa ở Saigon cho con chúng khỏi dở dang sự học mai sau.

Anh thì nghĩ rằng mình chắc sắp thành một triết gia, phớt cần cái sự đời, tới đâu hay đó, trời sinh voi tấ trời sinh cỏ hơi đâu mà lo. Nhưng một lần, hai lần, năm lần, một trăm lần vợ rỉ tai anh thăm ý thấy chuyện có một cái nhà là cần.

Nhưng làm sao để có một cái nhà ? Nhứt là một cái nhà ở Saigon này ?

Mua miếng đất. Cất cái nhà.

Việc đó vượt quá xa ngoài khả năng anh. Cho rằng có tiện tặn, thắt lưng buộc bụng đến đâu đi nữa, cho con sen nghỉ việc, bỏ cái món xôi đậu cà phê buổi sáng thay bằng trà đường trong sở đề cầm hơi cho tới trưa, giảm khẩu phần rau muống hằng bữa, bớt hai gói thuốc lá quân đội hằng ngày còn một, thì giỏi lắm mỗi tháng đề dành chỉ đề được một ngàn. Thì cũng phải ba trăm tháng may ra mới có nổi một cái nhà. Lúc đó, nếu trời còn cho được sống, anh còn chưa rời tàu bay, thì cũng về hưu đã từ lâu, vợ chồng con cái chắc đang ở dưới gậm cầu. Nhưng tiện tặn cái kiểu cho con sen thôi việc, thì tiền mạch, tiền thuốc cho vợ anh cũng vào đó. Chưa kể trẻ con không ai giữ sẽ bò lê bò la, ăn bẩn hoặc té brou đầu, sứt trán.

Mua miếng đất, cất cái nhà. Giản dị như vậy mà đối với anh thì còn khó hơn cái sự người Việt Nam ta phóng hỏa tiền lên cung trăng. Vợ anh thuật lại rằng có đêm anh đang ngủ bỗng ngồi nhồm dậy, ôm bụng, mặt nhăn nhó như đau đớn lắm, rên hừ hừ, vụt giang hai tay ra chụp lấy không khí, la chói lói cái nhà ! rồi té ầm xuống sàn. Hồi ra mới biết anh nằm mơ thấy anh có

cái nhà, và cái nhà đang cháy. Vợ anh bảo Chiêm bao thấy lửa là điềm hên.

Mà hên thật. Anh sắp có cái nhà. Anh sắp được một miếng đất, và được mượn hai phần ba tiền để xây một cái nhà. Cái nhà mà anh sẽ đứng tên.

Buổi chiều đi làm về, anh đem ra nào' ordinateur nào règle Cras, v.v... những đồ nghề dùng để chuẩn bị không hành của phi công, và vận dụng trí nhớ, nhớ lại những điều đã học ở trường Công chánh mười mấy năm về trước để kẻ, để đo, để phác họa cái nhà tương lai, một tương lai rất gần. Đủ cả : nhà bếp, phòng ăn, phòng ngủ, phòng vệ sinh, phòng khách, phòng gia nhân... không thiếu thứ gì. Vợ bảo phải có cả nhà để xe phòng hờ khi trúng độc đắc. Anh thêm có cả cái phòng nho nhỏ để họp bạn bàn vuông.

Một phần ba tiền xây nhà, đã không chạy thì thôi, anh chắc là mình chạy thì phải ra. Khóc lóc, năn nỉ mượn ông cậu một mớ, ông chú một ít, chắc phải đủ.

Những buổi chiều từ vùng hành quân về, bay trong hoàng hôn, trên mây pha màu rán, nhìn xuống nhà cửa chen chúc, lối nhỏ, thành phố chưa lên đèn, hằng triệu con người không hơn cái tổ kiến, anh không còn muốn bay luôn, anh không còn muốn bay mãi mãi. Anh lại muốn đáp ngay không cần chỉ thị của đài, để về gặp với vợ, với con, để đem đồ nghề ra mà hoàn hảo cái... gia đồ.

Một mùa nắng trôi qua. Lại một mùa mưa. Lại một mùa nắng tới. Bờ rào hoa lồng đèn đã nở rộ. Đêm nằm đã nghe có tiếng dế gáy mái hiên sau. Mà cái nhà, cái nhà mà anh sẽ được đứng tên vẫn chỉ còn là trên giấy mang rất nhiều chữ ký của quý ông trong Ủy ban Quản trị Hợp tác xã, của quý ông Kiến trúc sư, của Đại diện Xã viên.

Nghe phong thanh khi đất ráo sẽ xây nền. Mùa đã nắng, chuyện đất ráo chắc không còn lâu. Anh về bảo với vợ rằng : Mùa mưa tới ta sẽ không còn nghe « giọt sầu rơi rụng ». Anh chị bỗng con ằm cái, dắt cả con sen ra Chợ Cũ, khao nhau một chầu cháo cá ăn mừng.

CÁI NHÀ

Nền nhà chưa xây, thì một đêm trời oi ả, chị đang ngồi cho con bú, Sĩ quan trực đến báo rằng anh đã tử nạn, phi cơ trúng đạn rơi trong vùng địch, xác anh tìm chưa ra.

ĐỊNH MỆNH



Ngày 21

Em,

Tại sao anh đã quyết định cái chết của anh sẽ là cái chết ở chiến trường ?

Có lẽ vì giòng họ nhà anh vốn có máu anh hùng.

Cũng có lẽ vì ngày xưa anh thường được nghe thầy học kính cần ca tụng cái chết oai dũng, hiên ngang của những người đi xả thân đền ơn Tổ

quốc, đạn xuyên thủng ngực mà tay còn giữ chặt đưa cao cán quốc kỳ. Rồi anh đã hằng ước mong người còn sống đồng thời và những kẻ sinh sau sẽ đến quì dưới chân mồ anh mà ngưỡng mộ tôn sùng.

Cũng có lẽ vì đêm nào trăng lạnh thuở ấu thơ, anh nghe kể chuyện có những chết sống lại dưới mồ. Đêm ngủ, chiêm bao thấy mình sống lại trong áo quan màu đỏ bầm như máu đọng, ngọt ngạt, tức thở, anh cố dấy dựa nhưng sao không nhích nổi người. Anh hãi hùng la hét, khi giật mình tỉnh giấc, mồ hôi đầm dề, tay chân bải hoải, và nhớ cơn ác mộng, anh sợ, không dám chợp mắt đến trời sáng, và thức trắng luôn cả mấy đêm sau.

Hắn tiềm thức anh đã ghi nhận hình ảnh kinh hoàng đó rồi ngấm ngấm xui anh chọn lấy cái chết ở chiến trường. Chết tan thân. Để không sẽ phải sống lại dưới mồ.

Vì những lý do đó hay những lý do nào khác, anh không được biết, nhưng anh đã nhứt quyết sẽ tan thân ngoài chiến trận.

Rồi mười mấy năm qua, anh ngang nhiên đi vào lửa đạn. Bao nhiêu chiến hữu đã trả xong

món nợ máu xương, ngậm cười từ biệt cõi đời.
 Còn anh, bom đạn không thềm. Anh vẫn sống.
 Sống đề mơ mãi một cái chết anh hùng.

Bây giờ thì anh sắp chết.

Nhưng không được chết như hằng mơ ước.
 Mà chết tối tăm, xó xỉnh, chết trên giường !

Bây giờ anh không còn sợ chuyện sống lại
 dưới mồ.

Anh cũng không buồn vì không được chết
 ngoài chiến địa.

Mà chua xót vì ý nghĩ : Con người không làm
 chủ con người. Chỉ là tên nô lệ hay thằng hình
 nhân múa rối, múa may máy móc theo giây giạt
 trong cái vở nộm kịch dài và vô duyên là cuộc
 đời, mà kẻ giạt giây, mà chủ ông là định mệnh,
 tùy hứng cho sống người mới được sống, bắt
 chết phải chết.

Sao định mệnh khắt khe, không cho anh được
 chết cái chết tức khắc ! Vì gì cũng được. Như té
 chúc đầu từ lầu cao xuống mặt gạch, hay xe tám
 tấn chạy nhanh bánh cán qua người.

Sao không cho anh được chết ngay sau khi xảy ra tai nạn ? Mà chết biết mình sắp chết, để phải nhớ, phải thương.

Cái chết mới lãng làm sao. Có gì đâu. Bước hụt một nấc, rồi té cầu thang, bất tỉnh. Anh không biết có đúng như thế không, nhưng người ta có vẻ thành thật khi bảo lại với anh như vậy.

Sao anh đã không được bất tỉnh luôn đến khi hắt ra hơi thở cuối cùng ? Rồi tỉnh lại. Anh quên rằng mình đã té cầu thang. Sao anh không quên được luôn tất cả những gì đã qua. Để được chết mà không biết rằng mình đã có sống. Cái chết sẽ êm dịu, thanh thản là chừng nào.

Những ngày dài nằm một mình trong phòng bệnh vắng lặng, những hình ảnh xa xưa chỉ tưởng phù du, bỗng dựng sống lại rạt rào trong tâm khảm. Hơi gió lọt qua khe cửa, tiếng mưa rơi trên mái nhà làm sống lại hình ảnh kẻ bộ hành dừng chân dưới mái hiên hè phố lặng lẽ nhìn mưa rơi ; làm sống lại hình ảnh những cánh hoa đào rụng lả tả, chấm hồng bé nhỏ lạc lững trong cái xanh bao la man dại của vùng hành quân đồi núi năm nào.

Có phải lúc sắp lìa bỏ cõi đời, người ta mới thấy đời là đáng yêu, đáng sống; những cái nhỏ nhặt, tầm thường của cuộc đời cũng đủ gây được niềm vui. Rồi người ta thương tiếc ngày qua.

Nếu sống lại !

Anh sẽ sung sướng bao nhiêu, được làm kẻ bộ hành đứng lặng dưới mái hiên nhìn ra mưa rơi trên đường phố, được trở lại vùng đồi núi năm nào để sáng sáng ra đứng đầu non đón chờ mặt trời mọc, những cánh hồng đào lấm tấm dưới chân.

Anh sẽ xin giải ngũ, về quê cày cuốc ba mẫu ruộng vườn hương hỏa để mẹ già thôi khỏi tủi thân vì có thằng con trai lớn bỏ nhà. Mười mấy năm dài anh đeo đuổi chuyện lưu danh, đi tìm cái chết cho thỏa vọng riêng tư, khiến mẹ già thao thức đêm trường, nhớ thương con gặt thắm nước mắt.

Anh sẽ trở về. Để đàn em đại được chiêu chiêu xúm xít quanh anh, say sưa nghe kể chuyện có những người lính chiến tử thương mà tay còn giữ chặt đưa cao cán quốc kỳ. À, mà sao anh sẽ chẳng kể chúng nghe chuyện có một thuở xưa nào, người người yêu thương nhau, vui cuộc cờ, vui câu

thơ, vui mùa lúa chín ! Mà lại sẽ gây cho nhiều ý niệm yêu đời qua máu lửa ? Cái đó chắc còn tùy thời trạng ngày nào anh sống lại, phải không em ?

Nếu sống lại !

Anh sẽ cưới em. Ta sẽ chung xây một mái nhà tranh bên giòng sông hiền từ nước chảy quê anh. Ta sẽ sống bên nhau đến thuở bạc đầu, « khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên », vui những niềm vui bất tận của đất trời.

Anh sẽ . . .

Đêm 22

Anh không còn tin là sống lại, anh sẽ trở về làng cũ để sống lặng lẽ buồn chán bên giòng sông nước đục phù sa, anh sẽ có thể làm kẻ lữ đường lặng lẽ đứng nhìn mưa rơi ngoài phố.

Vì đêm qua anh đã nghĩ rằng : Định mệnh khốn nạn và đê tiện. « Dắt díu người lên cạn mà chơi », cho người đến khi sắp lìa bỏ cõi đời mới thấy đời là đáng yêu, đáng sống, ao ước được quay về để hưởng thụ hoan lạc của cuộc đời, mà đó chỉ là ảo tượng.

Rồi khi người ta ngã quỵ còn gượng ngóc đầu, đưa tay vờ ảo ảnh, thì định mệnh, tiểu nhân đắc chí, hô hố phá lên cười nhần nhở.

Nếu sống lại. Nếu có thật là anh sẽ sống lại.

Anh sẽ tự hủy mình.

Nhưng làm gì còn có nếu. Làm gì có việc sống lại. Anh chết đêm nay, ngày mai là cùng. Chỉ té cầu thang mà đập mặt hay rớt gân trong óc gì gì đó, không biết sẽ đứt giờ nào. Vô phương cứu chữa.

Càng hay, vì anh tự hủy mình, loài người bị định mệnh mà con mắt sẽ cho là hành động của kẻ yếu hèn lần trốn, khiến những người thân yêu anh sống còn phải tủi nhục.

Anh sắp ngã quỵ. Nhưng anh sẽ không đưa tay vờ ảo ảnh. Anh sẽ thu tàn lực mà ha hả cười.

Định mệnh dọn cho loài người món ăn thoát xem có vẻ béo bở, ngon lành, nhưng đã trộn vào đấy nhiều chất độc mà đặc tính là công phạt ngấm ngấm.

Món « cuộc đời ».

Loài người không thể không ăn. Vì đó là món ăn duy nhất. Và lại trông rất ngon lành.

Hau háu tấp, ngấu nghiến nhai, ừng ực nuốt, rồi khi chất độc đã ngấm nhiều vào cơ thể, bắt đầu bạo hành, người ta rên xiết, người ta kêu la, đau thương nhăn nhó. Và người ta tự cho rằng vì mình ham ăn trúng thực, chớ cũng chẳng biết rằng mình đã trúng độc. Rồi hối tiếc, phải chi mình từ từ nhai kỹ, thưởng thức từng miếng nhỏ thì cái hương vị của cuộc đời sẽ thanh thú là ngần nào, và mình cũng đã không trúng thực.

Định mệnh đắc chí phá lên cười.

Cười cái ngu dốt, xuẩn ngốc của loài người. Tấp, nuốt chửng hay nhai, nuốt từ từ thì cũng sẽ trúng độc mà thôi !

Có kẻ cũng nhận biết món cuộc đời là độc hại, nhưng cam phận ráng mà nhai mà nuốt, vì cho rằng đó là số kiếp đã làm người thì không thể nào cưỡng được mà không ăn. Có những tên nô lệ cam chịu, phục tùng như vậy thì định mệnh càng đặc chế bao nhiêu về cái uy quyền vô hạn của nó !

Anh sắp ngã quỵ, nhưng anh sẽ không đưa tay vờ ảo ảnh. Cũng không kêu la, rên xiết. Cũng không cắn răng nuốt hờn mà chịu đựng. Anh sẽ thu tàn lực mà ha hả cười. Cho định mệnh vò đầu, bứt tai, hoài nghi tự hỏi : Sung sướng cái gì mà thẳng này khoái trá như vậy kia ?

Anh sắp chết !

Em đừng buồn gì cả, dù trong thoáng qua. Mà nên mừng. Vì đang sống trong thời kỳ mà loài người quáng gà, bước liều bước lĩnh, vô ý thức, nhưng đang đi lần đến chỗ tự giải thoát khỏi bàn tay hà khắc của định mệnh.

Ngày nào loài người quyết định thả một quả bom X hay Z gì đó để trong thoáng chốc biến địa cầu thành cát bụi, là ngày định mệnh cũng không còn đất sống, không còn lý do để tồn tại.

Nhưng định mệnh tiên kiến ngày càng không còn xa của nó, găng gượng chặn đứng bước chân liễu lĩnh của nhân loại, bằng cách đưa ra, dī vào tận mắt loài người những viễn ảnh đau thương, khủng khiếp, máu rơi, thịt nát, người chết] như rạ ngoài đồng, người sống sót loét mặt lở mồm, thịt da nhầy nhụa, ngày ngày đại đại, lang thang vô định trên tro tàn, thế giới một màu đen u tối.

Ngày nào loài người mới sáng suốt nhận thức điều đó ?

Và cũng để nhận thức rằng Muốn chiến thắng định mệnh, phải tiêu diệt chính mình.

Tự diệt ở đây không là hèn trốn. Mà là đề chiến thắng. Cái chiến thắng tinh thần : Không còn nô lệ, mặc nhiên không còn chủ ông.

Ý thức nguyên do và hậu quả của hành động và cương quyết hành động, cương quyết tự diệt, là biểu hiệu của con người tự chủ và tự do.

Hành động vô ý thức, liễu lĩnh, hay vì hoàn cảnh đưa đẩy và dự tính sai hậu quả, nhưng may thay cũng sẽ là vô tình mà chiến thắng, tuy nhiên hành động như vậy làm mất chân đo tuyệt

kỹ của sự tự diệt và chứng tỏ con người bị chi phối, bị lôi cuốn vì ngoại cảnh.

Và chẳng ngàn xưa cho chí ngày nay, ai dám bảo là tiếng cười đã nhiều hơn nước mắt ?

Lịch sử loài người đã có bao nhiêu là cuộc cách mạng ! Mà cách mạng, dù bạo động, dù ôn hòa, dù là bộc lộ hay ngấm ngầm vẫn có nghĩa là thay đổi. Và có ai lại đi thay đổi một nếp sống đã như ý, hử em ?

Còn ngày nay cho chí ngàn sau, nếu còn có cái chuyện ngàn sau, ai dám quả quyết là tiếng cười sẽ nhiều hơn nước mắt.

Không quả quyết, nhưng hy vọng.

Hy vọng ?

Còn hy vọng là còn yêu đời.

Còn hy vọng là còn tiến bộ.

Làm người ai cũng phải có hy vọng. Không ai được quyền vô vọng... Vì vô vọng tức là chán đời hoặc tự mãn, bằng lòng với hiện tại.

Chán đời là một cái tội. Luân lý vỡ lòng đã dạy như vậy. Một cái tội tày đình đối với

Tạo hóa, đối với nhân quần xã hội, với gia đình, với chính mình. Kẻ chán đời là kẻ thiếu tình thần tranh đấu, là hèn, là ươn yếu, không xứng đáng làm người.

Còn tự mãn, chẳng những là trở ngại lớn lao cho đường tiến bộ, mà còn là thoái bộ. Thời gian luôn trôi chảy, ngày tiếp ngày, không gian luôn đổi thay, nắng mưa sương gió, ruộng dâu còn hóa biển, những vì sao còn đổi ngôi, thì loài người ở trong trời đất không thể đứng dừng. Đứng lại tức là thụt lùi, là sẽ bị bỏ rơi. Cái định luật đào thải thiên nhiên hay nhân niệm đó cũng đã bắt buộc người ta phải tiến tới. Mà tiến tới tức là đã làm cách mạng. Người ta thường xuyên làm cách mạng. Đề tiến tới.

Mà đề tiến tới đâu ?

Người ta phỏng chừng, tiên đoán, mà không ai là người sáng suốt lại dám quả quyết là sẽ tiến tới đâu, trừ phi tiếng nể và tiếng bắt ngờ không còn trong ngôn ngữ loài người. Nhưng người ta hy vọng. Hy vọng đi đôi với cách mạng. Thường xuyên làm cách mạng, người ta thường xuyên hy vọng, hoặc ý thức hoặc tiềm tàng.

Điều đó chứng tỏ người ta thường xuyên không hoàn toàn bằng lòng hiện tại. Vì hy vọng tức là đang có điều không được như ý. Như vậy làm gì có hoàn toàn hạnh phúc!

Và hạnh phúc! Cái lẽ tương đối sao loài người đành không chịu hiểu. Hạnh phúc chỉ là đau khổ cố hữu vơi bớt đi được một phần nào.

Chỉ hoàn toàn hạnh phúc khi hoàn toàn không còn đau khổ vật chất lẫn tinh thần, dù khinh dù trọng, và bất cứ dưới hình thức nào mà không như ý là một, mà bản khoản thắc mắc cũng là một.

Nói một cách khác: Hạnh phúc không có nghĩa gì cả nếu không có đau khổ.

Giả thiết đó là một định lý thì định lý đảo sẽ không đúng.

Vì rằng cái tương quan sướng và khổ bắt nguồn từ cái khổ. Bởi sơ sinh, người ta đã biết ngay đói, khát, lạnh v.v...

Như vậy, vấn đề đặt ra không thể là: Làm thế nào để được hoàn toàn hạnh phúc? Mà là: Làm thế nào để được hoàn toàn không còn đau khổ.

Em sẽ bảo Tại sao anh đi tìm cái hoàn toàn? Khi không có cái gì ở cõi đời này có thể gọi là tuyệt đối.

Biết vậy, biết rằng không có cái gì hoàn toàn ở cõi sống, thì tại sao người ta còn cố bám lấy cuộc sống mà trong đó mọi hoạt động, mọi cố gắng vươn lên cũng chỉ đưa đến những cái gì tương đối. Và lỡ tai thắm âm thì không thể chấp nhận, dù chỉ đọc một nốt nhạc sai trong một bản nhạc dù có hay đến đâu.

Biết rằng không có cái gì hoàn toàn ở cõi sống, mà người ta vẫn sống, có hèn không?

Biết rằng không có cái gì hoàn toàn ở cõi sống, tại sao người ta không đi tìm nó ở một nơi nào khác ngoài cõi sống? Có thiên cận không?

Làm thế nào để được hoàn toàn không còn đau khổ.

Anh xin trả lời: Tự diệt.

Vì rằng còn sống thì không ai có thể diệt được hết nhu cầu, nhứt là những nhu cầu tự nhiên. Mà còn nhu cầu tức là còn khổ.

Tự diệt, người ta còn đạt được tuyệt đối, cái tuyệt đối chân không?

Cứ cho nói như vậy là vô căn cứ, là nói phỏng, là nói càn, là nói liều, là không tưởng.

Vì chưa một ai biết được khi chết linh hồn sẽ về đâu. Vì chắc gì chết là hoàn toàn sẽ không còn đau khổ, tuy chắc chắn và tuyệt đối là sẽ không còn đau khổ về thể xác. Nhưng còn phần hồn ? Biết đâu chết đi, tránh được cái vỏ dứa trong cuộc sống lại sẽ chẳng gặp phải cái vỏ dứa trong cuộc chết ?

Cứ cho là như vậy.

Thì ít ra tự diệt cũng là biểu tượng của con người tự chủ, tự do, của con người dám làm, của con người vượt lên trên đám đông quần chúng, sáng suốt từ bỏ một nơi bấp bênh là cuộc sống, vì không có cái gì tuyệt đối để làm tiêu chuẩn, từ bỏ để đi tìm cái tuyệt đối. Vừa tuyệt đối, vừa cố định. Vì nếu lấy cái lẽ tương đối hay cái biến thiên cho là tuyệt đối để làm tiêu chuẩn, thì cuộc sống còn bấp bênh đến đâu ?

Tại sao người ta ca tụng những kẻ liều, phóng mạng, may ra mà tìm được tân thể giới như Kha Luân Bố, mà người ta lại chê bai những người tự diệt, ý thức hành động của mình, sáng suốt, trầm tĩnh đi thám hiểm cõi chết, đường xá còn gian nan trắc trở gấp bao lần ?

Tại sao người ta kính phục những bậc chân tu, đi tu không vì bị hoàn cảnh chi phối, không vì thất tình, không vì sạt nghiệp, không vì bị đồng loại hắt hủi, đùoi xua... đi tu vì tự ý đi tu, mà người ta lại khinh khi những người tự diệt vì tự ý tự diệt ? Trong khi đi tu chỉ là một hình thức của tự diệt. Cả hai đều có nghĩa là từ chối cái món cuộc đời. Và người đi tu lại còn kém người tự diệt] ở chỗ chưa dám từ chối trọn vẹn cuộc đời, mà còn phần nào luyến tiếc, nếm nếm.

Không vì hoàn cảnh chi phối, sáng - suốt nhận định đề rồi tự ý tự diệt, đó là « chân tự diệt », đâu phải là hành động của kẻ yếu hèn, lẩn trốn.

Em bảo : Bây giờ không tự diệt được, vì... vì... v.v... thế tất phải sống. Và đã không tránh được đau khổ thì phải cố gắng làm dịu bớt đau khổ. Phải tận lực, phải tích cực cố gắng mới biết được mệnh trời. Đã không thể không nghe bản nhạc, tại sao anh không chú trọng đến những đoạn hay, mà đề ý chỉ đến một vài nốt nhạc sai ?

Nghe ra cũng chí lý. Nhưng buồn thay, chỉ là một thứ triết lý tiêu cực, cam chịu, thụ động.

Chỉ một nốt nhạc sai cũng đủ làm hỏng bản nhạc, huống chi bản nhạc đời đâu chỉ có một vài nốt nhạc sai.

Và người ta cũng đã thụ động khi làm dịu bớt đau khổ. Có kẻ không dám nhìn thẳng nó, như em không dám nghe những nốt nhạc sai. Không dám gọi đích danh nó là đau khổ mà bảo đó là một linh dược, là làn lửa thiêng để trui luyện con người. Như vậy có khác nào người ta gọi con cọp là ông thầy ?

Vì người ta sợ.

Và thử hỏi : Trui luyện để làm gì ? Để con người có sức chịu đựng những đau khổ tiếp khác. Thế sao không nhìn nhận là sống để đau khổ. Và người hạnh phúc chỉ là người chịu đựng đau khổ tương đối giỏi hơn đồng loại.

Có kẻ lại lừa dối ngay cả chính mình bằng cách cố gắng yêu đau khổ, ca tụng nó, thần thánh hóa nó. Như vậy, có khác nào người ta thờ rắn rít, thờ sấm sét, giông bão ?

Cũng vì người ta sợ.

Và sợ đâm ra hèn. Người ta lạy lức, vạ xin : Đấy, tôi yêu ông, tôi ca tụng ông, tôn thờ ông, xin ông đoái tình tha cho tôi !

Sống mà thụ động, sống mà sợ hãi, sống mà hèn, sống mà lừa dối ngay cả chính mình, thì sống làm gì ? Có đáng sống không ?

Anh lần thần lắm phải không em ?

Đã không hỏi : Trái đất có xoay quanh mặt trời ? Cũng không hỏi : Hai với hai có là bốn ? Lại hỏi : Sống là vui hay là khổ ? Tại sao ? Và sống để làm gì ?

Thì nhân loại có bao nhiêu đơn vị con người sẽ có bấy nhiêu câu trả lời khác nhau, không khác nhiều thì ít, không trong căn bản cũng ở tiểu tiết. Và ngay chính mỗi người, câu trả lời cũng sẽ khác đi, tùy tình trạng vật chất và tinh thần của người ấy khi trả lời.

Mỗi con người là một triết gia.

Đó cũng là một trò đùa của định mệnh, hành hạ kiếp người, sinh ra cho mỗi con người là

một triết gia. Em đừng quan niệm sai lầm triết gia là kẻ hơn người, là kẻ dạy đời. Chỉ là kẻ băn khoăn, thắc mắc, tư tưởng đề tìm giải đáp. Người ta triết lý về nhân sinh, về vũ trụ, về tạo hóa, người ta cũng triết lý về cái ăn, cái ngủ, cái giao cấu, cái bài tiết. Và người ta triết lý về vấn đề gì nhiều nhất là vấn đề đó làm người ta bận tâm, thắc mắc nhiều nhất.

Ngày nào mọi người đều đồng ý, không ai còn thắc mắc, băn khoăn tự hỏi : Sống đề làm gì, là ngày nhân loại đạt đến chân lý của cuộc sống. Cái chân lý đó có thể là tương đối trong vũ trụ, nhưng tuyệt đối với nhân loại, vì rằng mọi người đều đồng ý.

Em bảo : Sự thật La Palice !

Một sự thật La Palice khác và tuyệt đối mà mắt người ta vẫn mở, nó lại ở ngay sờ sờ nước mắt nhưng người ta không chịu thấy, đó là :

— Sống đề sẽ chết.

Khi đã thấy như vậy, người ta sẽ không còn tự hỏi : Sống đề làm gì ?

Mà sẽ hỏi

— Tuyệt đích của cái chết ?

— Và sẽ chết như thế nào ?

Khuất Nguyên ngày xưa tự trầm trong sông Mịch La chắc gì chỉ vì thất chí, đời không ai hiểu mình. Biết đâu họ Khuất đã chẳng thông đạt cái lẽ tử sinh.

Tuy nhiên, tự diệt không phải là diệu sách, chưa phải là vấn đề chính yếu làm bận tâm. Có nghĩa gì một nhát dao đưa, một viên đạn nổ, hay hai ba hồ rượu đề chết đuối trong sông trăng. Mà vấn đề là phải cứu tai hết thấy chúng sinh. Cho không còn đau khổ ở trần gian. Cho định mệnh thảm bại toàn diện, gục đầu.

Phải tuyệt diệt giống người.

Nhưng một khi người ta ai cũng thấy được cái sự thật sờ sờ trước mắt là sống đề sẽ chết, bần dân vương tướng gì rồi cũng sẽ thành cát bụi, cặn bã tiểu nhân hay hào kiệt anh hùng gì rồi cũng sẽ về với ba tấc đất, thì người ta sẽ thấy không cần phải tự diệt hay tuyệt diệt giống người nữa, người ta tự khắc sẽ thấy có nhiều lối sống cho ra con người. Đã không có quyền

tự sinh, chẳng cần tự sát, trong tù đầy của kiếp sống vẫn thấy mình tự chủ.

Vì rằng rồi ai cũng sẽ chết, tay không đi về, thì việc gì khom lưng qui lụy cho nhục tiếng đứng trong trời đất, thì việc gì sâu bọ tiểu nhân cho thiên hạ chê bai, phỉ nhổ, thì việc gì gian lận lọc lừa, xâu xé lẫn nhau cho định mệnh đặc ý nôn cười.

Rồi ra ai cũng sẽ chết, thì cuộc đời là tạm bợ. Ở trong cuộc sống như ở trong phòng chờ đợi ta bày một trò chơi, một canh bạc giải trí, tiêu khiển thời giờ trong lúc đợi chờ, thì được thua có nghĩa lý gì, đánh to, đánh nhỏ, khi giờ đã điểm cũng hai tay không đứng dậy thì việc gì bận tâm đen hay đỏ, việc gì mà bận tâm khi lên voi khi xuống chó, thì việc gì ta chẳng đánh cho to, cùng chơi cho thỏa thích ?

Thấy như vậy thì cuộc sống ung dung là bao nhiêu. Sẽ không còn những con người ăn ứ, hoặc rút về sống du dú khiếp nhược trong vỏ ốc mặc cảm, hoặc trái lại, bộc lộ quá trớn, làm càn, thiếu tự chủ, sẽ không còn những con người tự kiêu, tự phụ, cũng sẽ không còn những con người sợ sệt, đôn hèn.

Định mệnh là chủ ông khắc nghiệt, là hoàng đế bạo tàn, dọn cho con người cái món cuộc đời, món duy nhất khiến con người tương tranh tương tàn, dành giết miếng ta tưởng bỏ. Ta không tranh dành, mà chia nhau cùng ăn cái món cuộc đời. Hoan lạc mà ăn, dù rằng biết độc.

Những nỗ lực, những cố gắng hăm hè đề thắng nhau, đề giết nhau của những tay giác đấu, hay những tiếng kêu la thất thanh, thảm thiết của những kẻ bị sư tử xé xác trong quyết đấu trường chỉ làm cho bạo chúa ngất ngheo trên ngai đặc chí, ôm bụng lăn cười.

Nhưng nếu những tay giác đấu buông khí giới, ôm nhau, yêu thương nhau, dù biết rằng sẽ cùng bị chết treo, chết chém ; hay những người bị sư tử xé xác vẫn cười xem thường cái chết, thì bạo chúa sẽ tức tối đến cỡ nào, lồng lộn, phát điên lên, chết ghen vì ức.

Chỉ hoàn toàn tự do khi người ta quan niệm đứng đắn và dám sử dụng cái quyền tự diệt. Và nếu ta không chọn con đường tự tuyệt diệt đề thắng định mệnh, vẫn sống mà vẫn thắng, thì xem thường kiếp sống với tất cả mọi diễn biến của nó là biện pháp đối kháng hữu hiệu nhất của con người, tuy nhận lấy cái tù đày của kiếp sống nhưng lúc nào cũng tự chủ.

Xem thường không có nghĩa là thụ động, không có nghĩa là mặc cho cuộc sống lôi ta đến đâu thì đến. Mà xem thường được cuộc sống thì người ta sống tung hoành, phóng khoáng hơn, người ta rộng rãi, bao dung, đại lượng hơn. Yêu thương nhau, do đó không cần gọi, tự khắc người ta cũng yêu thương nhau. Cuộc sống do đó « dễ thở » hơn.

Nhưng một thế giới mà trong đó loài người tất cả đều xem thường được cuộc sống, không phải đầu hôm sớm mai thực hiện được. Từ khi có loài người, bao triệu lần vật đổi sao dời, bao triệu nghìn năm qua mới un đúc, cấu tạo thành con người thể chất và tâm lý hôm nay, cái tâm lý cho cuộc sống là quan trọng, sợ chết, thì việc gột rửa cái tâm lý đó đòi hỏi một thời gian ít lắm cũng còn nhiều thế hệ, với điều kiện người ta bắt đầu gột rửa từ bây giờ.

Anh chết đây.

Người ta không biết nguồn gốc của con người. Hậu quả của cuộc trường kỳ diễn biến của giống khỉ hay giống cá qua bao nhiêu là thế hệ, hay hậu duệ của ông Adam và bà Evà đều là ước đoán,

giả thuyết. Người ta không biết căn nguyên của sự sống, mà người ta lại đi triết cái lý của sự sống, người ta lại đi đặt vấn đề : Sống để làm gì ? thì thật là vô ý thức, ngu ngò.

Ngoại trừ trả lời : Sống để sẽ chết, còn thì có giải đáp được tường tận câu hỏi trên bất cứ bằng cái triết lý nào, cái triết lý đó chỉ là một thứ triết lý chông chênh không đứng vững. Vì câu hỏi, vấn đề đặt ra đã sai, ngu, không đứng vững,

Một kẻ mở mắt ra thấy mình đang trôi nổi giữa biển khơi. Không nhớ, không biết vì sao mình đang ở giữa biển, lại thắc mắc tự hỏi Mình ở đây để làm gì ? Thì có ngất ngơ không ?

Anh chết đây. Tuy cái chết không tự anh, nhưng anh cũng cứ vui mà chết với viễn ảnh loài người sẽ chiến thắng định mệnh một ngày gần đây, hoặc bằng cách tự tuyệt diệt, dù đó chỉ là vô tình, bất ngờ mà chiến thắng hoặc bằng tình thương trong tù đày của kiếp sống.



Nó đang ngồi, bỗng ngã vật ra buồng rơi cán bút, bất tỉnh. Ngẫu nhiên là lúc người nữ y tá bụng thuốc tới, đẩy cửa bước vào, thấy vậy, hô hoảng. Người ta tới xúm khiêng nó đè nằm trên giường, xoa chích lằng xằng.

Một lúc, nó hồi tỉnh, đưa mắt nhìn quanh, rồi vụt ngồi dậy, quắc mắt, nắm chặt bàn tay phải đưa cao, hô to : « Tờ quốc muôn năm » rồi ngã xuống.

Lần này nó chết hẳn.

Ngoài trời đêm đã tàn và ngày rạng. Cuộc sống vẫn xuôi giòng. Bao nhiêu người vừa chết và bao nhiêu trẻ sơ sanh vừa khóc chào đời.

CHẾT NON

của

TRẦN VĂN MINH

Minh họa SÙNG MỸ NGUYỄN NHẬT TÂN
Trình bày BÙI HOÀNG KHẢI
Kỹ thuật Ấn loát DƯƠNG VĂN XUYỀN

Ấn hành lần thứ nhất

Ngoài 5.000 bản thường,
còn in thêm 200 bản trên giấy đặc biệt để tặng
có chữ ký của Tác giả

TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Sẽ xuất bản :

cùng một tác giả

***thành phố nhỏ
bên kia sông***

**Xuất bản cục
BÙI HOÀNG KHẢI**

CHẾT NON

Bản Đặc Biệt

In xong ngày 27 tháng 3 - 1967, tại
Ấn quán HÙNG VƯƠNG, số 81A
đường Bùi Thị Xuân — Saigon

Giấy phép số 436/TBTTCH/BC3/XB
Saigon, ngày 14 tháng 2 năm 1967

Giá : 100 đ.